

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN RA CÔNG CHÚNG CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CÔNG TY VÀ GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN CONTAINER VIỆT NAM

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0200453688 do Sở Kế Hoạch Và Đầu Tư TP.Hải Phòng cấp ngày 01/04/2002, đăng ký thay đổi lần 21 ngày 10/09/2021)



CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số 219/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 04 tháng 10 năm 2021...)

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp tại các địa chỉ dưới đây từ ngày ... tháng ... năm 2021.

Công ty cổ phần Container Việt Nam

Địa chỉ: Số 11 Võ Thị Sáu, P. Máy Tơ, Q. Ngô Quyền, TP. Hải Phòng.
Điện thoại: (84-225) 383 6705 Fax: (84-225) 383 6104
Website : <https://www.viconship.com/>

Công ty Cổ phần Chứng khoán MB

Địa chỉ: Tầng 7- 8, tòa nhà MB, số 21 Cát Linh, P.Cát Linh, Q.Đống Đa, TP.Hà Nội
Điện thoại: +84 24 7304 5688
Website : www.mbs.com.vn

Phụ trách công bố thông tin

Họ tên: Lê Thế Trung
Chức vụ: Kế toán trưởng
Điện thoại: (84-225) 3836 705 Fax: (84-225) 3836 104
Địa chỉ: Số 11 Võ Thị Sáu, P. Máy Tơ, Q. Ngô Quyền, TP. Hải Phòng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CONTAINER VIỆT NAM

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp 0200453688 do Sở Kế Hoạch Và Đầu Tư TP.Hải Phòng cấp ngày 01/04/2002, đăng ký thay đổi lần 21 ngày 10/09/2021)



CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

Tên cổ phiếu:	Cổ phiếu Công ty cổ phần Container Việt Nam
Loại cổ phiếu:	Cổ phiếu phổ thông
Mệnh giá:	10.000 đồng/cổ phần
Giá chào bán	10.000 đồng/cổ phần
Tổng số lượng cổ phiếu chào bán:	55.122.798 cổ phần (chào bán cho cổ đông hiện hữu)
Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá:	551.227.980.000 đồng (theo mệnh giá)

Tổ chức kiểm toán

Báo cáo tài chính năm 2019 và 2020 được kiểm toán bởi:

Công ty TNHH KPMG Việt Nam

Địa chỉ: Tầng 46, tòa nhà Keangnam, Landmark Tower, 72 tầng, E6, Phạm Hùng, Cầu Giấy, Mỹ Trì, Từ Liêm, Hà Nội.

Điện thoại: (84-4) 3946 1600 Fax : (84-4) 3946 1601

Website : www.kpmg.com.vn

Báo cáo tài chính 06 tháng đầu năm 2021 được soát xét bởi:

Chi nhánh Công ty TNHH PwC (Việt Nam) tại Hà Nội

Địa chỉ: Tầng 16, Keangnam Hanoi Landmark Tower, Lô E6, Khu đô thị Cầu Giấy, Phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm, TP.Hà Nội

Điện thoại: +84 24 3946 2246

Website : <https://www.pwc.com/>

Tổ chức tư vấn

Công ty Cổ phần Chứng khoán MB

Địa chỉ: Tầng 7- 8, tòa nhà MB, số 21 Cát Linh, P.Cát Linh, Q.Đống Đa, TP.Hà Nội

Điện thoại: +84 24 7304 5688

Website : www.mbs.com.vn

MỤC LỤC

I.	NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH.....	5
II.	CÁC NHÂN TỐ RỦI RO	6
III.	CÁC KHÁI NIỆM.....	12
IV.	TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH.....	14
1.	Thông tin chung về Tổ Chức Phát Hành	14
2.	Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của Tổ Chức Phát Hành.....	14
3.	Cơ cấu tổ chức của Tổ Chức Phát Hành	15
4.	Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của Tổ Chức Phát Hành	16
5.	Thông tin về công ty mẹ, công ty con của Tổ chức phát hành, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ chức phát hành, những công ty mà Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối	20
6.	Thông tin về quá trình tăng giảm vốn điều lệ của Tổ Chức Phát Hành	22
7.	Thông tin về các khoản góp vốn, thoái vốn lớn của Tổ chức phát hành tại các doanh nghiệp khác.....	25
8.	Thông tin về chứng khoán đang lưu hành	26
9.	Thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài.....	26
10.	Hoạt động kinh doanh	26
11.	Chính sách đối với người lao động.....	38
12.	Chính sách cổ tức	40
13.	Thông tin về tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán gần nhất.....	40
14.	Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Tổ chức phát hành.....	40
15.	Các thông tin, nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Tổ chức phát hành có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Tổ chức phát hành, đợt chào bán, giá cổ phiếu chào bán, dự án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán	41
16.	Thông tin về cam kết của Tổ chức phát hành không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích.....	42
V.	KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH	42
1.	Kết quả hoạt động kinh doanh.....	42
2.	Tình hình tài chính	43
3.	Ý kiến của Tổ chức kiểm toán đối với Báo cáo tài chính của Tổ chức phát hành	50
4.	Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức	51
VI.	THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP, CỔ ĐÔNG LỚN, THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC (GIÁM ĐỐC), PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC (PHÓ GIÁM ĐỐC), KẾ TOÁN TRƯỞNG.....	52
1.	Thông tin về cổ đông sáng lập.....	53
2.	Thông tin về cổ đông lớn.....	53
3.	Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, Giám đốc kỹ thuật, Kế toán trưởng.....	55
VII.	THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN	71
VIII.	MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN	76
IX.	KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN	79
X.	CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN	79
XI.	CÁC THÔNG TIN QUAN TRỌNG KHÁC CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ.....	80

XII. NGÀY THÁNG, CHỮ KÝ, ĐÓNG DẤU CỦA ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH, TỔ CHỨC TƯ VẤN	80
XIII. PHỤ LỤC	82

BẢNG

Bảng 1: Công ty con của Tổ Chức Phát Hành trong 2 năm gần nhất và tính đến thời điểm hiện tại	20
Bảng 2: Quá trình tăng vốn của Công ty	22
Bảng 3: Cơ cấu cổ đông tại thời điểm ngày 24/08/2021	26
Bảng 4: Cơ cấu doanh thu của Công ty hợp nhất theo từng sản phẩm	28
Bảng 5: Cơ cấu doanh thu của Công ty mẹ theo từng sản phẩm	29
Bảng 6: Cơ cấu lợi nhuận gộp của Công ty hợp nhất theo từng sản phẩm	29
Bảng 7: Cơ cấu lợi nhuận gộp của Công ty mẹ theo từng sản phẩm	29
Bảng 8: Tình hình tài sản của Công ty hợp nhất tính đến thời điểm 31/12/2019	30
Bảng 9: Tình hình tài sản của Công ty mẹ tính đến thời điểm 31/12/2019	30
Bảng 10: Tình hình tài sản của Công ty hợp nhất tính đến thời điểm 31/12/2020	31
Bảng 11: Tình hình tài sản của Công ty mẹ tính đến thời điểm 31/12/2020	31
Bảng 12: Tình hình tài sản của Công ty mẹ tính đến thời điểm 30/06/2021	31
Bảng 13: Tình hình tài sản của Công ty hợp nhất tính đến thời điểm 30/06/2021	32
Bảng 14: Một số hợp đồng đã được ký kết hoặc đang thực hiện	32
Bảng 15: Các khách hàng, nhà cung cấp lớn	34
Bảng 16: Cơ cấu nhân sự của VSC tại thời điểm 30/06/2021	39
Bảng 17: Tỷ lệ trả cổ tức trong những năm gần đây	40
Bảng 18: Một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của Công ty mẹ trong giai đoạn 2019- 06 tháng đầu năm 2021	42
Bảng 19: Một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của Công ty hợp nhất trong giai đoạn 2019 - 06 tháng đầu năm 2021	42
Bảng 20: Cơ cấu vốn kinh doanh của Công ty hợp nhất	43
Bảng 21: Cơ cấu vốn kinh doanh của Công ty mẹ	44
Bảng 22: Thời gian khấu hao TSCĐ	44
Bảng 23: Mức lương bình quân	44
Bảng 24: Thuế và các khoản phải nộp nhà nước của Công ty hợp nhất	45
Bảng 25: Thuế và các khoản phải nộp nhà nước của Công ty mẹ	45
Bảng 26: Trích lập các quỹ theo luật định của Công ty hợp nhất	46
Bảng 27: Trích lập các quỹ theo luật định của Công ty mẹ	46
Bảng 28: Các khoản phải thu của Công ty hợp nhất	46
Bảng 29: Các khoản phải thu của Công ty mẹ	46
Bảng 30: Các khoản phải trả của Công ty hợp nhất	47
Bảng 31: Các khoản phải trả của Công ty mẹ	48
Bảng 32: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty hợp nhất	48
Bảng 33: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty mẹ	49
Bảng 34: Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty	53
Bảng 35: Danh sách người có liên quan của cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần	54
Bảng 36: Danh sách thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát và Giám đốc tài chính tại thời điểm hiện tại	55
Bảng 37: Lịch trình phân phối cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	74

HÌNH

Hình 1: Sơ đồ cơ cấu tổ chức của VSC	15
Hình 2: Sơ đồ cơ cấu bộ máy quản lý của VSC	16

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức phát hành

Ông Nguyễn Việt Hòa	Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Nguyễn Văn Tiến	Chức vụ: Tổng Giám đốc
Ông Dương Tiến Dũng	Chức vụ: Giám đốc tài chính
Ông Lê Thế Trung	Chức vụ: Kế toán trưởng

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo không có thông tin hoặc số liệu sai sót mà có thể gây ảnh hưởng đối với các thông tin trong Bản cáo bạch.

2. Tổ chức tư vấn

Đại diện theo pháp luật (hoặc đại diện được ủy quyền):

Bà: **Nguyễn Thị Thanh Vân** Chức vụ: **Phó Giám Đốc Khối DVNHĐT**

(Theo Giấy ủy quyền số 72/2020/MBS-UQ ngày 01 tháng 11 năm 2020 của Người đại diện theo pháp luật Công ty cổ phần Chứng Khoán MB)

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng do Công ty cổ phần Chứng Khoán MB tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng tư vấn số 10/2021/MBS/IBHN1- HĐTV ngày 15 tháng 03 năm 2021 ký với Công ty cổ phần Container Việt Nam. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trong Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cân trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty cổ phần Container Việt Nam cung cấp.

[Phần còn lại của trang này được cố ý để trống]

II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

Nhằm mục đích đảm bảo tính minh bạch, công khai, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nhà đầu tư, chúng tôi khuyến cáo các nhà đầu tư tham khảo trước phần này để có những đánh giá và quyết định phù hợp trong việc tham gia đầu tư của mình đối với cổ phiếu phát hành thêm của Công ty cổ phần Container Việt Nam.

1.1. Rủi ro về kinh tế

Rủi ro về kinh tế

Tốc độ tăng trưởng kinh tế là một trong những nhân tố quan trọng, ảnh hưởng trực tiếp đến tốc độ tăng trưởng của hầu hết các ngành, lĩnh vực của nền kinh tế. Tăng trưởng kinh tế nói chung sẽ làm tăng nhu cầu tiêu dùng xã hội, thúc đẩy sự gia tăng của sản lượng công nghiệp và giúp cho các doanh nghiệp mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm của mình. Những năm trở lại đây, nền kinh tế Việt Nam luôn duy trì tốc độ tăng trưởng ở mức cao và ổn định so với các nước trong khu vực và trên thế giới.

Năm 2017, hoạt động đầu tư, thương mại toàn cầu có xu hướng cải thiện rõ rệt, tăng trưởng kinh tế từ các năm trước cũng góp phần làm giàu người tiêu dùng nội địa, hai yếu tố này đã tác động tích cực đến hoạt động sản xuất trong nước. Kết quả vượt trội là tốc độ tăng GDP năm 2017 đạt 6,81%, vượt mục tiêu đề ra 6,7%, cao hơn mức tăng trưởng GDP trung bình của Châu Á là 6,00% cùng năm đó và là mức tăng cao nhất trong giai đoạn 2011 – 2017 của nền kinh tế Việt Nam.

Trước thềm kinh tế năm 2018, Chính phủ đã đặt ra kế hoạch với mục tiêu tăng trưởng GDP ở con số khiêm tốn 6,7%, tương đương với kế hoạch tăng trưởng GDP năm 2017, nhưng thực tế đã vượt kế hoạch và đạt mức tăng trưởng cao nhất trong 10 năm qua là 7,08%. Đây đều là những tín hiệu tích cực cho thấy chu kỳ phát triển kinh tế của Việt Nam vẫn đang trong đà tăng trưởng.

Theo số liệu của Tổng Cục Thống Kê, tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2019 đạt kết quả ấn tượng với tốc độ tăng 7,02% vượt mục tiêu của Quốc Hội đề ra khoảng 6,6-6,8% cho năm 2019. Trong năm 2020, mặc dù chịu ảnh hưởng nặng nề của dịch Covid – 19 khiến cho nền kinh tế bị đình trệ, Việt Nam vẫn ghi nhận một năm có mức tăng trưởng GDP dương đạt 2,88%, thuộc nhóm nước có tăng trưởng cao nhất thế giới.

Trong xu hướng tổng thể kinh tế - xã hội đã có đà phát triển tốt, nhiều thuận lợi từ môi trường quốc tế có thể mang tới cơ hội cho Việt Nam, tuy nhiên những cơ hội này cũng tiềm ẩn nhiều rủi ro và thách thức. Tình hình kinh tế thế giới tiếp tục tăng trưởng chậm lại, căng thẳng thương mại giữa Mỹ - Trung, dịch bệnh Covid – 19 với quy mô toàn cầu và vấn đề địa chính trị càng làm gia tăng đáng kể tính bất ổn của hệ thống thương mại và kinh tế, gây ảnh hưởng không nhỏ tới niềm tin kinh doanh, quyết định đầu tư và thương mại toàn cầu.

Bước sang năm 2021, với việc vaccine Covid được triển khai rộng rãi hơn và tác động tích cực từ các thoả thuận thương mại được ký kết trong những năm qua (điển hình là CPTPP, EVFTA và RCEP), tình hình kinh tế thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng trong năm 2021 được dự báo sẽ có sự hồi phục.

Rủi ro lạm phát

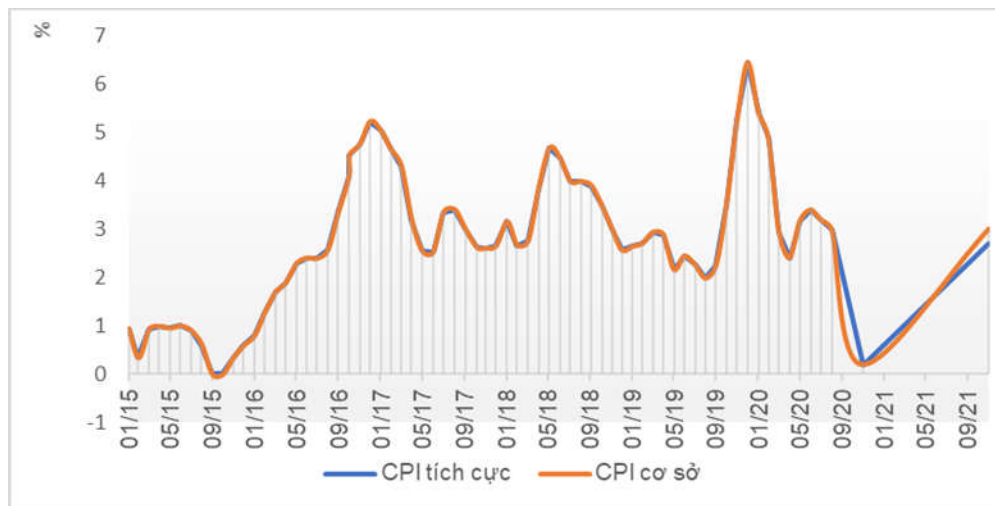
Các rủi ro tài chính của doanh nghiệp thường gắn liền với xu hướng lạm phát trong nền kinh tế. Lạm phát gia tăng sẽ đẩy giá nguyên vật liệu đầu vào của doanh nghiệp tăng cao, ảnh hưởng đến tỷ suất lợi nhuận của doanh nghiệp.

Theo những số liệu được công bố, trong những năm gần đây Việt Nam đang đứng trước sức ép gia tăng lạm phát. Tuy nhiên, bắt đầu từ năm 2014, để ổn định nền kinh tế, chính phủ Việt Nam đặt mục tiêu kiểm soát lạm phát ở mức 4,0%.

CPI bình quân năm 2017 tăng 3,53% so với năm 2016 và tăng 2,6% so với tháng 12 năm 2016. CPI bình quân năm 2018 tăng 3,54% so với bình quân năm 2017, dưới mục tiêu Quốc hội đề ra, cho thấy tín hiệu bình ổn lạm phát thành công cùng với đà tăng trưởng GDP tốt.

Cụ thể, năm 2018 được coi là thành công trong việc kiểm soát lạm phát, với tỷ lệ lạm phát chỉ rơi vào mức 3,54%. Mục tiêu kiểm soát lạm phát, giữ CPI bình quân năm 2018 dưới 4% đã đạt được, mặc dù hầu hết giá các mặt hàng do Nhà nước quản lý đã phải điều chỉnh tăng giá như các nguồn vật liệu xây dựng, các mặt hàng tiện ích (điện, nước) cũng như đà tăng mạnh của giá xăng dầu toàn cầu.

Năm 2019, lạm phát được kiểm soát với mức tương đối thấp, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân năm 2019 chỉ tăng 2,79%. Trong năm 2020, mặc dù quý I ghi nhận giá thịt heo vượt đỉnh lịch sử nhưng tác động của dịch Covid – 19 khiến cầu hàng hoá suy giảm mạnh trong các quý tiếp theo. Kết thúc 2020, chỉ số CPI đạt mức 3,23%. (Hình: Tỷ lệ lạm phát qua các năm).



Nguồn: Tổng cục thống kê

Rủi ro về lạm phát giá cả ảnh hưởng tới chi tiêu của toàn nền kinh tế, tác động đến tất cả các ngành nghề kinh doanh nói chung và kinh doanh phần mềm nói riêng. Ngoài ra, lạm phát còn có thể tác động đẩy giá thành sản xuất lên cao khi giá các nguyên vật liệu đầu vào và sau đó là lương người lao động đều tăng lên.

Tuy nhiên, một môi trường lạm phát được kiểm soát tốt sẽ hỗ trợ tích cực cho hoạt động kinh doanh sản xuất lâu dài của doanh nghiệp. Công ty cũng cần theo dõi sát sao tình hình kinh tế vĩ mô và các dự báo thị trường để giảm thiểu rủi ro về giá thông qua điều chỉnh điều chỉnh định hướng kinh doanh linh hoạt, phù hợp tình hình.

Rủi ro về lãi suất

Đối với doanh nghiệp thì rủi ro lãi suất là rủi ro khi chi phí trả lãi vay của doanh nghiệp cao hơn khả năng tạo ra lợi nhuận của doanh nghiệp và mức độ rủi ro về lãi suất cũng khác nhau giữa các ngành với nhau tùy theo cơ cấu nợ vay của các ngành đó.

Đối với doanh nghiệp thì rủi ro lãi suất là rủi ro khi chi phí trả lãi vay của doanh nghiệp cao hơn khả năng tạo ra lợi nhuận của doanh nghiệp và mức độ rủi ro về lãi suất cũng khác nhau giữa các ngành với nhau tùy theo cơ cấu nợ vay của các ngành đó.

Để tài trợ cho hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty có sử dụng nguồn vốn vay ngắn hạn và dài hạn từ các ngân hàng. Vì vậy, bất kỳ sự thay đổi nào của Ngân hàng Nhà nước và các ngân hàng thương mại về chính sách tiền tệ, lãi suất cũng sẽ ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Yếu tố lãi suất ảnh hưởng rất lớn đến kế hoạch kinh doanh cũng như tác động mạnh đến doanh thu và chi phí hoạt động tài chính. Việc trần lãi suất liên tục được điều chỉnh giảm được xem như một tiền đề thuận lợi cho hoạt động sản xuất và kinh doanh của Công ty. Tuy nhiên trên thực tế, để tiếp cận được nguồn vốn vay với lãi suất hấp dẫn là một vấn đề còn khó khăn đối với Công ty nói riêng và các doanh nghiệp nói chung.

1.2. Rủi ro về luật pháp

Hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành chịu sự điều chỉnh của pháp luật, chính sách và các quy định tại Việt Nam như: Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Thương mại, Luật Đầu tư.... Các hoạt động kinh doanh của Công ty cần nhiều loại giấy phép và chấp thuận từ các cơ quan nhà nước, các giấy phép này trong một số trường hợp nhất định sẽ cần nộp xin cấp, sửa đổi, cấp mới hoặc gia hạn, tùy trường hợp và hiện nay Tổ Chức Phát Hành cũng đang trong giai đoạn hoàn thiện một số giấy phép điều chỉnh liên quan tới dự án đầu tư, xây dựng và khai thác cảng Liên Chiểu - thành phố Đà Nẵng và dự án đầu tư xây dựng Cảng Lạch Huyện – Hải Phòng theo quy định của cơ quan có thẩm quyền. Công ty không thể đảm bảo với các nhà đầu tư tiềm năng rằng cơ quan nhà nước có liên quan sẽ cấp giấy phép mới, cho phép sửa đổi hoặc gia hạn giấy phép hiện có cũng như sẽ cấp các giấy phép nói trên trong thời hạn mà Công ty dự kiến. Việc mất, hoặc không thể sửa đổi, xin cấp mới hoặc gia hạn bất kỳ giấy phép hoặc chấp thuận quan trọng nào cần phải có để thực hiện hoạt động kinh doanh của Công ty đều có thể ảnh hưởng bất lợi đáng kể đến việc kinh doanh, tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và triển vọng Công ty.

Hệ thống pháp luật Việt Nam vẫn đang trong quá trình hoàn thiện, vì thế, các luật và văn bản hướng dẫn có thể sẽ còn được điều chỉnh cho phù hợp với sự phát triển của nền kinh tế. Những thay đổi của hệ thống pháp luật, chính sách trong nước có thể ảnh hưởng đến kế hoạch và hoạt động kinh doanh của Công ty.

1.3. Rủi ro đặc thù

Rủi ro biến động mạnh về hoạt động xuất nhập khẩu tại Việt Nam

Trong bối cảnh, dịch bệnh Covid-19 vẫn còn ở nhiều nước trên thế giới, hoạt động thương mại, logistics xuyên quốc gia gặp nhiều hạn chế. Trong khi đó, doanh thu của hoạt động kinh doanh khai thác cảng, bốc xếp hàng hóa, giao nhận, vận tải hàng hóa chịu tác động chi phối lớn bởi sản lượng hàng hóa lưu thông và giá cước dịch vụ. Do đó, hoạt động thương mại xuất nhập khẩu của Việt Nam có tác động lớn tới hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Trường hợp, dịch bệnh Covid-19 kéo dài dẫn đến

đình trệ kéo dài trong hoạt động thương mại quốc tế có thể đến nền kinh tế, hoạt động xuất nhập khẩu của Việt Nam nói chung, cũng như tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty nói riêng.

Rủi ro tỷ giá

Doanh thu cung cấp dịch vụ về cảng biển, kho bãi là doanh thu chủ yếu của Công ty, nguồn thu này chịu ảnh hưởng lớn của việc biến động tỷ giá hối đoái. Bên cạnh đó, hầu hết các thiết bị, phương tiện sử dụng cho lĩnh vực cầu cảng là thiết bị chuyên dụng và được nhập khẩu từ nước ngoài. Do đó, việc biến động tỷ giá sẽ không những ảnh hưởng đến nguồn doanh thu mà còn ảnh hưởng đến hoạt động đầu tư nâng cấp thiết bị của Công ty.

Rủi ro về lượng hàng tồn đọng tại cảng do chủ hàng từ chối nhận hàng

Có nhiều nguyên nhân dẫn tới chủ hàng từ chối nhận hàng như hàng hóa không đảm bảo chất lượng, không đúng chủng loại mẫu mã, thời gian làm thủ tục dài... hoặc do những sai sót nhỏ hoặc bị cơ quan chức năng phát hiện hàng hóa có dấu hiệu vi phạm. Việc xử lý hàng tồn đọng do chủ hàng từ chối nhận hàng cũng là một trong những rủi ro gặp phải, ảnh hưởng tới doanh thu của Công ty.

1.4. Rủi ro của đợt chào bán

Mục đích của đợt chào bán cổ phiếu này của Công ty cổ phần Container Việt Nam là bổ sung vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Việc VSC tăng vốn điều lệ là cần thiết và có ý nghĩa quan trọng nhằm nâng cao năng lực tài chính, năng lực hoạt động và khả năng cạnh tranh của VSC. Tuy nhiên, diễn biến thị trường chứng khoán Việt Nam trong giai đoạn hiện nay là khá phức tạp, giá cổ phiếu biến động liên tục đặc biệt là các cổ phiếu ngành tài chính. Do vậy, nếu đợt chào bán lần này của VSC ra công chúng rơi vào thời điểm không thuận lợi và việc chào bán cổ phiếu diễn ra không theo kế hoạch sẽ ảnh hưởng phần nào đến kế hoạch tăng vốn điều lệ của VSC. Ngoài ra, do đợt chào bán này không được bảo lãnh phát hành nên có thể xảy ra khả năng cổ phiếu không được chào bán hết, điều này sẽ gây ảnh hưởng đến kế hoạch tài trợ vốn cho hoạt động kinh doanh như dự kiến. Trong trường hợp cổ phiếu chào bán không được mua hết, số tiền thu được không đủ để tài trợ cho mục đích chào bán, VSC sẽ sử dụng các nguồn vốn khác để bổ sung. Bên cạnh đó, Đại hội đồng cổ đông đã ủy quyền cho Hội đồng quản trị phân phối số lượng cổ phiếu không được cổ đông đặt mua hết cho các đối tượng khác với mức giá trong khoảng 25.000 đồng/cổ phần đến 30.000 đồng/cổ phần, đảm bảo tuân thủ quy định của Pháp luật và Điều lệ của VSC.

1.5. Rủi ro pha loãng

Sau khi Công ty cổ phần Container Việt Nam chào bán cổ phiếu tăng vốn điều lệ, số lượng cổ phiếu lưu hành trên thị trường của VSC cũng tăng lên tương ứng.

- Tổng số cổ phiếu lưu hành trước khi phát hành: 55.122.798 cổ phiếu
- Tổng số cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu: 55.122.798 cổ phiếu
- Tổng số cổ phiếu lưu hành sau khi chào bán: 110.245.596 cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu lưu hành tăng lên sẽ dẫn đến hiện tượng cổ phiếu của VSC bị pha loãng. Việc pha loãng cổ phiếu có thể gây ra các ảnh hưởng sau:

Thu nhập cơ bản trên mỗi cổ phần (EPS): có thể suy giảm do lợi nhuận sau thuế được chia cho một lượng cổ phiếu lớn hơn. Tuy nhiên điều này còn phần nào phụ thuộc vào số tiền mà VSC huy động được trong đợt chào bán này để bổ sung kế hoạch kinh doanh và lợi nhuận thu được từ số tiền đó.

Công thức tính:

$$\text{EPS} = \frac{\text{Lãi (lỗ) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông}}{\text{Số lượng cổ phiếu đang lưu hành bình quân trong kỳ}}$$

Trong đó:

$$\text{Số lượng cổ phiếu đang lưu hành bình quân trong kỳ} = \frac{X*12 + Y*T}{12}$$

- ✓ X: Khối lượng cổ phiếu đang lưu hành trước khi phát hành
- ✓ Y: Khối lượng cổ phiếu phát hành thêm
- ✓ T: Thời gian lưu hành thực tế trong năm của cổ phiếu phát hành thêm (tháng)

Dự kiến đợt phát hành này sẽ hoàn thành trong quý II/2021, do đó EPS năm 2020 sẽ không bị ảnh hưởng pha loãng, nhưng EPS năm 2021 có thể bị pha loãng do việc tăng số lượng cổ phần đang lưu hành bình quân trong kỳ.

Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần (BV):

Công thức tính:

$$\text{Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần} = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu}}{\text{Khối lượng cổ phiếu đã phát hành - Cổ phiếu quỹ}}$$

Tại thời điểm 31/12/2021, giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần của Công ty cổ phần Container Việt Nam là 32.595 đồng/cổ phần. Tại thời điểm kết thúc đợt chào bán, nếu tốc độ tăng vốn chủ sở hữu thấp hơn tốc độ tăng số lượng cổ phần sau đợt phát hành thì giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần sẽ giảm.

Giá trị trường của cổ phiếu VSC:

Tại thời điểm chốt danh sách thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, giá thị trường của cổ phiếu Công ty cổ phần Container Việt Nam (trong trường hợp giá thị trường của cổ phiếu VSC cao hơn so với giá chào bán) sẽ được điều chỉnh theo công thức sau:

$$\text{Ppl} = \frac{\text{Pt} + \text{Pr}*I}{1 + I}$$

Trong đó:

- ✓ Ppl: Giá cổ phiếu pha loãng.
- ✓ Pt: Giá giao dịch của cổ phiếu ngày trước ngày chốt danh sách thực hiện quyền
- ✓ Pr: Giá cổ phiếu phát hành

- ✓ I: Tỷ lệ tăng vốn (tỷ lệ cổ phiếu phát hành thêm trên số lượng cổ phiếu ban đầu)

Với giả định tại thời điểm chốt danh sách để thực hiện quyền mua, giá thị trường của cổ phiếu Công ty cổ phần Container Việt Nam sẽ được điều chỉnh theo công thức sau (*chỉ tính đối với số lượng cổ phiếu phát hành cho cổ đông hiện hữu*):

$$Ppl = \frac{59.000 + [10.000 * 100\%]}{1 + 100\%} = \frac{69.000}{2} = 34.500 \text{ đồng/cổ phần}$$

Trong đó:

- ✓ Ppl: là giá cổ phiếu pha loãng;
- ✓ Pt: 59.000 đồng/cổ phần (Giá giả định ngày chốt danh sách để thực hiện quyền mua);
- ✓ Pr: 10.000 đồng/cổ phần (Giá phát hành đối với quyền mua cổ phiếu phát hành thêm);
- ✓ I: 100% (Tỷ lệ tăng vốn đối với việc thực hiện quyền phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu).

Tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết

Tỷ lệ nắm giữ cũng như quyền biểu quyết của cổ đông sẽ bị giảm một tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ mà cổ đông từ chối quyền mua trong đợt phát hành này (so với thời điểm trước ngày chốt danh sách thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm mà cổ đông có).

Các rủi ro từ việc pha loãng cổ phiếu nêu trên không phải bao giờ cũng xảy ra đồng thời và chúng cũng không liên hệ trực tiếp với nhau. Tuy nhiên, những rủi ro này ít nhiều cũng sẽ có những tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến lợi ích của những nhà đầu tư sở hữu cổ phiếu của VSC, vì vậy nhà đầu tư cần có những đánh giá cẩn trọng về vấn đề này.

1.6. Rủi ro về quản trị công ty

Rủi ro xuất phát từ quản trị công ty yếu kém là rủi ro tiềm ẩn, nhưng có thể ảnh hưởng lớn đến sự phát triển lâu dài và bền vững của một doanh nghiệp, gây thiệt hại cho cổ đông như rủi ro về quản trị tài sản và nguồn vốn, rủi ro về nguồn nhân lực, rủi ro về quy trình và hệ thống... Tuy nhiên, Công ty đã luôn chủ động giảm thiểu tối đa các rủi ro về quản trị công ty thông qua việc tăng cường xây dựng tính hiệu quả của hệ thống quản trị rủi ro, thực hiện nghiêm túc các quy định quản trị công ty, thường xuyên tổ chức các chương trình đào tạo về kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ và kế toán,... Trên thực tế, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đã đạt được sự tăng trưởng ổn định, hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu đề ra và duy trì ổn định sản xuất kinh doanh.

1.7. Rủi ro khác

Bên cạnh những yếu tố rủi ro đã nêu trên, còn có các yếu tố rủi ro xảy ra do hiện tượng thiên nhiên khách quan, mang tính bất khả kháng như thiên tai (bão, lụt, hạn hán, dịch bệnh, động đất...), chiến tranh hoặc hỏa hoạn... Những rủi ro này nếu xảy ra sẽ gây ra không ít khó khăn và ảnh hưởng lớn đến hoạt động kinh doanh của Công ty cổ phần Container Việt Nam.

III. CÁC KHÁI NIỆM

Trong Bản cáo bạch này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- Tổ chức phát hành: Công ty cổ phần Container Việt Nam
- Tổ chức tư vấn: Công ty Cổ phần Chứng khoán MB
- Công ty kiểm toán: Công ty TNHH KPMG Việt Nam - Công ty kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất và riêng lẻ năm 2019 và 2020 của Công ty cổ phần Container Việt Nam.
- Bản cáo bạch: Bản cáo bạch của Công ty về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh nhằm cung cấp thông tin cho nhà đầu tư đánh giá và đưa ra các quyết định.
- Điều lệ: Điều lệ của Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua.
- Vốn điều lệ: Là số vốn do tất cả các cổ đông góp và được ghi vào Điều lệ của Công ty.
- Cổ đông: Tổ chức hoặc cá nhân sở hữu một hay một số cổ phần của Công ty
- Cổ phần: Vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau.
- Cổ phiếu: Chứng chỉ do Công ty phát hành xác nhận quyền sở hữu của một hoặc một số cổ phần của Công ty.
- Người có liên quan: Cá nhân hoặc tổ chức có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với doanh nghiệp trong các trường hợp sau đây:
 - a) Công ty mẹ, người quản lý và người đại diện theo pháp luật của công ty mẹ và người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý của công ty mẹ;
 - b) Công ty con, người quản lý và người đại diện theo pháp luật của công ty con;
 - c) Cá nhân, tổ chức hoặc nhóm cá nhân, tổ chức có khả năng chi phối hoạt động của doanh nghiệp đó thông qua sở hữu, thuê mua cổ phần, phần vốn góp hoặc thông qua việc ra quyết định của công ty;
 - d) Người quản lý doanh nghiệp, người đại diện theo pháp luật, Kiểm soát viên;
 - e) Vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của người quản lý công ty, người đại diện theo pháp luật, Kiểm soát viên, thành viên và cổ đông sở hữu phần vốn góp hay cổ phần chi phối;
 - f) Cá nhân là người đại diện theo ủy quyền của công ty, tổ chức quy định tại các điểm a, b và c khoản này;

- g) Doanh nghiệp trong đó cá nhân, công ty, tổ chức quy định tại các điểm a, b, c, d, đ và e nêu trên có sở hữu đến mức chi phối việc ra quyết định của công ty.

Những thuật ngữ khác (nếu có) mà không được liệt kê ở trên sẽ được hiểu theo quy định trong Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH11 ngày 17/6/2020; Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Các từ hoặc nhóm từ viết tắt trong Bản cáo bạch này có nội dung như sau:

- VSC/Công ty: Công ty cổ phần Container Việt Nam
- BCTC: Báo cáo tài chính
- BGĐ: Ban Giám đốc
- BKS: Ban Kiểm soát
- CBCNV: Cán bộ công nhân viên
- CMND: Chứng minh nhân dân
- CP: Cổ phần
- ĐHĐCĐ: Đại hội đồng cổ đông
- ĐKDN: Đăng ký doanh nghiệp
- HĐ: Hợp đồng
- HĐQT: Hội đồng quản trị
- KDBH: Kinh doanh bảo hiểm
- MBS: Công ty Cổ phần Chứng khoán MB
- SXKD: Sản xuất kinh doanh
- TCKT: Tài chính kế toán
- TCTD: Tổ chức tín dụng
- TEU: là một đơn vị đo sức chứa hàng hóa không chính xác, thường được sử dụng để mô tả khả năng chứa của một tàu container hoặc bên container. Đơn vị này được dựa trên thể tích của một container tiêu chuẩn dài 20 feet
- TGD: Tổng Giám đốc
- Thuế GTGT: Thuế giá trị gia tăng
- Thuế TNDN: Thuế thu nhập doanh nghiệp
- TMCP: Thương mại cổ phần
- TNHH: Trách nhiệm hữu hạn
- TP: Thành phố
- TSCĐ: Tài sản cố định
- UBCKNN: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- UBND: Ủy ban nhân dân
- VND: Đồng Việt Nam

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Thông tin chung về Tổ Chức Phát Hành

Tên Công ty:	CÔNG TY CỔ PHẦN CONTAINER VIỆT NAM
Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài	Vietnam Container Shipping Joint Stock Company
Tên Công ty viết tắt:	Viconship
Mã cổ phiếu:	VSC
Sản niêm yết:	HSX
Trụ sở chính:	Số 11 Võ Thị Sáu, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam
Điện thoại:	0225.3836705
Fax:	0225.3836104
Website:	www.viconship.com
Logo Công ty:	

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0200453688 do Sở Kế Hoạch Và Đầu Tư TP.Hải Phòng cấp ngày 01/04/2002, đăng ký thay đổi lần 21 ngày 10 tháng 09 năm 2021

Người đại diện theo pháp luật Bùi Minh Hưng – Tổng Giám Đốc

Vốn điều lệ hiện tại: 551.227.980.000 đồng (Năm trăm năm mươi một tỷ, hai trăm hai mươi bảy triệu, chín trăm tám mươi nghìn đồng)

Ngành nghề kinh doanh chính: Kho bãi và lưu giữ hàng hóa.

2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của Tổ Chức Phát Hành

Tiền thân Công ty cổ phần Container Việt Nam là một công ty nhà nước được thành lập vào ngày 27 tháng 07 năm 1985 theo Quyết định số 1310/QĐ-BGTVT của Bộ trưởng Bộ Giao Thông Vận Tải với số vốn góp ban đầu là 7,2 triệu đồng.

Năm 2002, Công ty tiến hành cổ phần hóa toàn bộ doanh nghiệp với tên gọi Công ty cổ phần Container Phía Bắc theo Quyết định số 183/TTG ngày 04 tháng 03 năm 2002 của Thủ Tướng Chính Phủ, trên cơ sở chuyển đổi doanh nghiệp Nhà Nước thành công ty cổ phần. Tháng 6 năm 2002, Công ty đổi tên thành Công ty cổ phần Container Việt Nam.

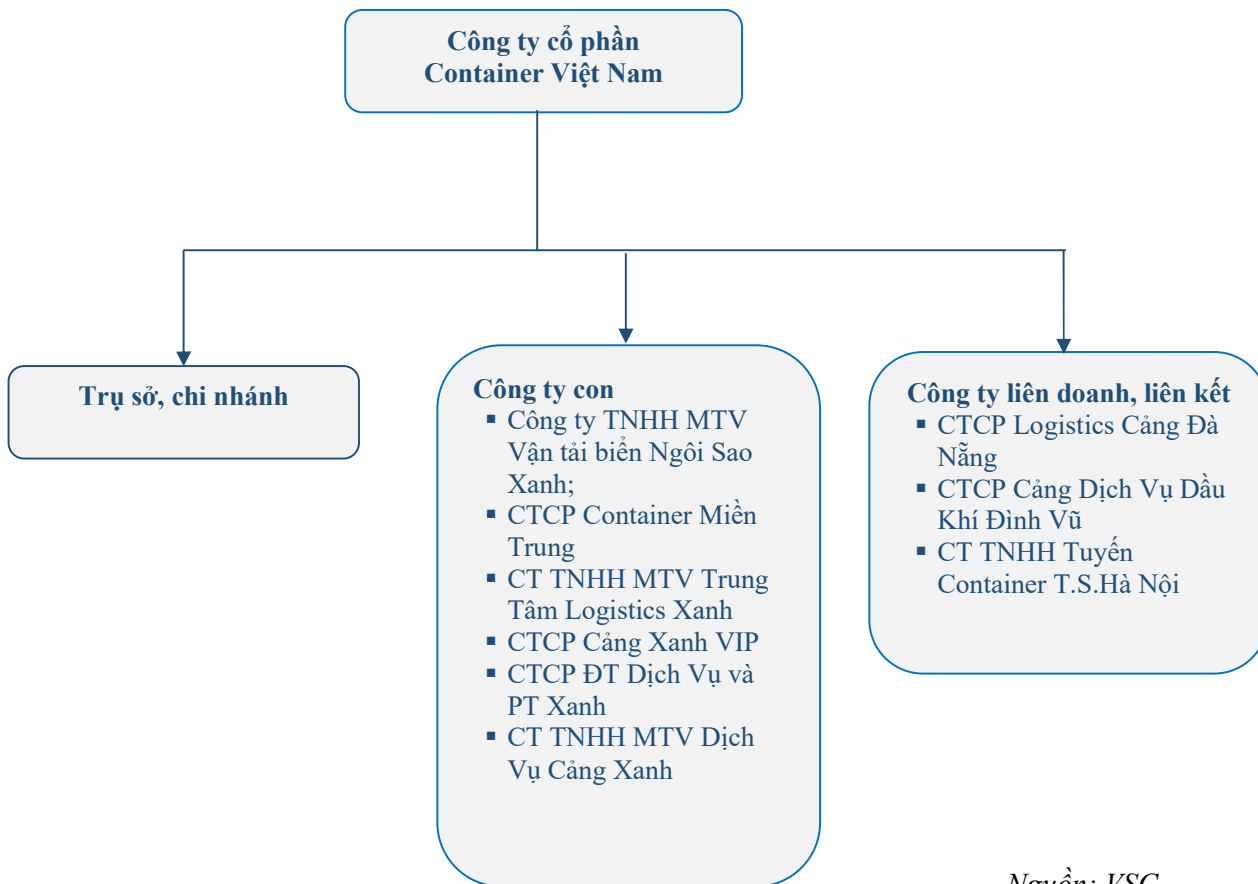
Ngày 12/12/2007, Sở Giao Dịch Chứng Khoán TP.Hồ Chí Minh đã cấp Quyết định niêm yết số 172/QĐ-SGDHCM cho phép Công ty cổ phần Container Việt Nam niêm yết cổ phiếu trên Sở Giao Dịch Chứng Khoán TP.Hồ Chí Minh. Ngày 09/01/2008, cổ phiếu Viconship đã chính thức giao dịch với mã VSC và là công ty thứ 139 niêm yết cổ phiếu trên Sở Giao Dịch Chứng Khoán TP.Hồ Chí Minh.

Hiện nay, với vốn điều lệ khoảng 551 tỷ đồng, Công ty cổ phần Container Việt Nam đã và đang là một trong những nhà khai thác cảng biển và cung cấp các dịch vụ trong chuỗi cung ứng-logistics chuyên nghiệp hàng đầu Việt Nam. Với triết lý kinh doanh

“Chuyên nghiệp để phục vụ” và nền tảng văn hóa Công ty “Con người là cội nguồn của sức mạnh”, Viconship luôn chú trọng đào tạo phát triển nguồn nhân lực, đầu tư mở rộng cơ sở hạ tầng, trang thiết bị và công nghệ hiện đại theo định hướng phát triển bền vững và trường tồn nhằm đáp ứng mọi yêu cầu và nhu cầu ngày càng cao của Khách hàng.

3. Cơ cấu tổ chức của Tổ Chức Phát Hành

Hình 1: Sơ đồ cơ cấu tổ chức của VSC tại thời điểm 30/06/2021

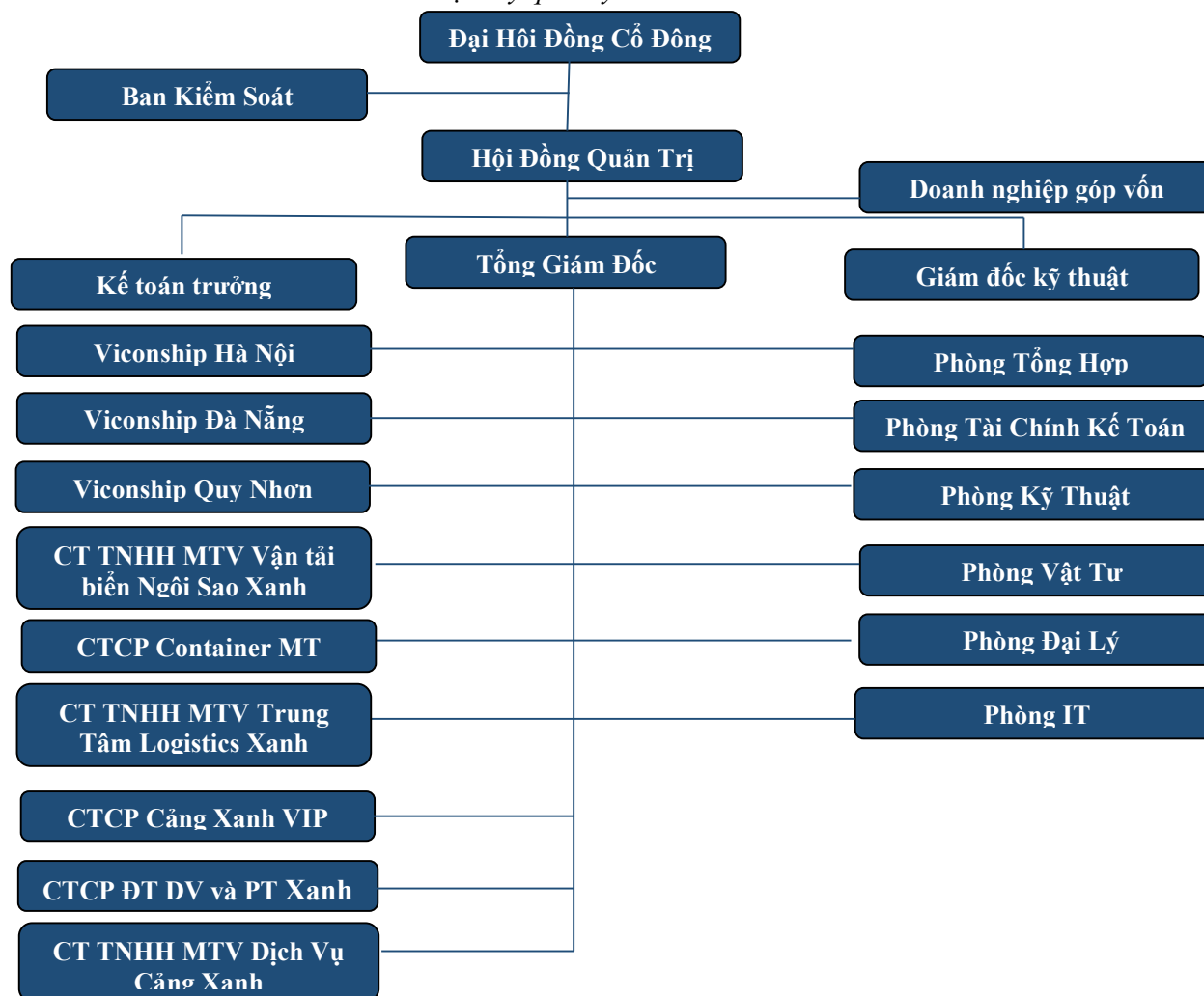


Nguồn: VSC

Hiện tại, Công ty cổ phần Container Việt Nam có trụ sở đặt tại Hải Phòng, sở hữu 03 chi nhánh (tại Hà Nội, Đà Nẵng, Quy Nhơn), 06 công ty con và 03 công ty liên kết.

4. Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của Tổ Chức Phát Hành

Hình 2: Sơ đồ cơ cấu bộ máy quản lý của VSC tính đến thời điểm 30/06/2021



Nguồn: VSC

Qua quá trình phát triển và ngày càng kiện toàn bộ máy quản lý, hiện bộ máy quản lý của Công ty có cơ cấu tổ chức như sau:

Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty, có thẩm quyền quyết định các vấn đề:

- Thông qua các báo cáo tài chính hàng năm;
- Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần;
- Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị;
- Lựa chọn công ty kiểm toán;
- Bầu, bãi miễn và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị.
- Bổ sung và sửa đổi điều lệ Công ty;
- Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ được phát hành cho mỗi loại cổ phần;
- Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
- Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
- Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát gây thiệt hại cho công ty và các cổ đông của công ty.
- Quyết định giao dịch bán tài sản Công ty hoặc giao dịch mua có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
- Công ty mua lại hơn 10% một loại cổ phần phát hành;
- Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Điều 167.1 của Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
- Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- Phê duyệt quy chế quản trị nội bộ; quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- Các thẩm quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị có các quyền và nhiệm vụ sau:

- Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;
- Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại, quyết định huy động vốn theo hình thức khác;
- Quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
- Quyết định mua lại cổ phần theo quy định của pháp luật;

- Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
- Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
- Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty trừ trường hợp quy định tại điểm 2d Điều 138 và khoản 3 Điều 167 của Luật Doanh nghiệp;
- Thông qua việc cấp khoản vay hoặc bảo lãnh có giá trị dưới 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty cho các công ty con của Công ty;
- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và các lợi ích khác của Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc Chi nhánh, Trưởng văn phòng đại diện của Công ty; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở Công ty khác, quyết định mức thù lao và lợi ích khác của những người đó;
- Giám sát chỉ đạo Tổng Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty;
- Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, xây dựng quy chế nội bộ về quản trị nội bộ của Công ty để trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt, quyết định thành lập Công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
- Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
- Trình báo cáo tài chính hàng năm lên Đại hội đồng cổ đông;
- Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
- Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể, yêu cầu phá sản Công ty;
- Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ và Luật Doanh nghiệp.

Ban Kiểm soát

Là cơ quan trực thuộc ĐHĐCĐ, do ĐHĐCĐ bầu ra. Ban kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong điều hành hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính của Công ty. Ban kiểm soát hoạt động độc lập với HĐQT và Tổng giám đốc.

Ban kiểm soát có quyền và nhiệm vụ sau:

- Giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong quản lý và điều hành Công ty
- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cân trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;
- Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả

- Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp thường niên Đại hội đồng cổ đông;
- Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty;
- Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ trên 05 tổng số cổ phần phổ thông trở lên;
- Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ trên 05 tổng số cổ phần phổ thông trở lên, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của công ty;
- Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông ra các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty;
- Có quyền tham dự và thảo luận tại các cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty;
- Có quyền sử dụng tư vấn độc lập, đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề liên quan;
- Báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông;
- Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, là người điều hành và quản lý mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Tổng Giám đốc có các quyền và nhiệm vụ sau:

- Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
- Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
- Quyết định tiền lương và quyền lợi khác đối với người lao động trong công ty kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;
- Tuyển dụng lao động;
- Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
- Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.
- Thực thi kế hoạch kinh doanh hàng năm được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị thông qua;

- Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;
- Các quyền và nhiệm vụ khác theo Điều lệ Công ty.

Các phòng ban và đơn vị trực thuộc

Hiện tại VSC bao gồm các phòng ban và đơn vị khác như:

- **Các phòng ban:**
 - Phòng Tài chính kế toán
 - Phòng Tổng hợp
 - Phòng Kỹ thuật
 - Phòng Vật tư
 - Phòng Đại lý
 - Phòng IT.
- **Các chi nhánh:**
 - Viconship Hà Nội
 - Viconship Đà Nẵng,
 - Viconship Quy Nhơn.

5. Thông tin về công ty mẹ, công ty con của Tổ chức phát hành, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ chức phát hành, những công ty mà Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối

5.1. Công ty mẹ của tổ chức phát hành

Không có

5.2. Công ty con của tổ chức phát hành

Bảng 1: Công ty con của Tổ Chức Phát Hành trong 2 năm gần nhất và tính đến thời điểm hiện tại

STT	Tên Công ty	Ngày thành lập	Số giấy CNĐKDN	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết của VSC tại các công ty này (%)	Thời gian nắm giữ sở hữu
1	CT TNHH MTV Vận Tải Biển Ngôi Sao Xanh	14/06/2002	0200468606	Vận tải, bốc xếp	100%	Từ tháng 06/2002 đến nay
2	CTCP Đầu Tư Dịch Vụ và Phát Triển Xanh	24/01/2017	0201768923	Bốc xếp, kho bãi	66%	Từ tháng 01/2017 đến nay
3	CT TNHH MTV Trung Tâm Logistics Xanh	12/07/2002	0400424349-001	Bốc xếp, kho bãi	100%	Từ tháng 07/2002 đến nay

STT	Tên Công ty	Ngày thành lập	Số giấy CNĐKDN	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết của VSC tại các công ty này (%)	Thời gian nắm giữ sở hữu
4	CTCP Container Miền Trung	13/06/2002	0400424349	Vận tải, bốc xếp	65%	Từ tháng 06/2002 đến nay
5	CTCP Cảng Xanh VIP	28/10/2014	0201579242	Khai thác cảng, bốc xếp, kho bãi	74%	Từ tháng 10/2014 đến nay
6	CT TNHH MTV Dịch Vụ Cảng Xanh	01/11/2019	0201990244	Khai thác cảng, bốc xếp, kho bãi	100%	Từ tháng 11/2019 đến nay
7	Công ty TNHH MTV Viconship Hồ Chí Minh	25/07/2002	0302166957	Vận tải, bốc xếp	100%	Từ tháng 07/2002 đến ngày 31/12/2020

Nguồn: VSC

5.3. Công ty liên kết

STT	Tên Công ty	Ngày thành lập	Số giấy CNĐKDN	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết của VSC tại các công ty này (%)	Thời gian nắm giữ sở hữu
1	Công ty CP Logistics Cảng Đà Nẵng	05/03/2009	0400999731	Kho bãi	31%	Tháng 12/2013 đến nay
2	Công ty CP Cảng Dịch Vụ Dầu Khí Đình Vũ	10/08/2007	0200754420	Khai thác cảng, bốc xếp, kho bãi	22%	Tháng 3/2014 đến nay
3	Công ty TNHH Tuyến Container T.S.Hà Nội	14/10/2016	0201747264	Dịch vụ hỗ trợ khách liên quan đến vận tải	30%	Đến nay

5.4. Công ty mà tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối

Không có.

5.5. Công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành:

Không có

6. Thông tin về quá trình tăng giảm vốn điều lệ của Tổ Chức Phát Hành

Công ty cổ phần Container Việt Nam được thành lập với hình thức công ty cổ phần từ năm 2002 với vốn điều lệ ban đầu là 25,179 tỷ đồng. Từ đó đến nay, Công ty đã có 16 lần tăng vốn. Cụ thể như sau:

Bảng 2: Quá trình tăng vốn của Công ty

Thời điểm tăng vốn	Vốn điều lệ (triệu đồng)	Giá trị vốn tăng thêm (triệu đồng)	Hình thức tăng vốn	Căn cứ pháp lý
Khi thành lập (Năm 1985)	25.179			Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0200453688 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.Hải Phòng cấp lần đầu.
Sau khi sáp nhập (Năm 2002)	43.259	18.080	Sáp nhập Infacon và Cenvico	- Nghị quyết ĐHĐCĐ của Công ty CP Container Việt Nam; - Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0200453688 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.Hải Phòng cấp.
Tháng 6/2004	56.176,5	12.917,5	Trả cổ tức bằng cổ phiếu	- Nghị quyết ĐHĐCĐ của Công ty CP Container Việt Nam; - Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0200453688 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.Hải Phòng cấp.
Tháng 10/2004	57.001,5	825	Phát hành cổ phiếu cho cán bộ công nhân viên trong công ty	- Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2004; - Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0200453688 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.Hải Phòng cấp.
Tháng 3/2006	57.991,5	990	Phát hành cổ phiếu cho cán bộ công nhân viên trong công ty	- Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2006; - Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0200453688 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.Hải Phòng cấp.
Tháng 03/2007	73.068,17	15.076,67	Phát hành cho cổ đông hiện hữu (5% trả cổ tức bằng cổ phiếu, 10% phát hành quyền mua cho cổ đông	- Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2007; - Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0200453688 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.Hải Phòng cấp.

Thời điểm tăng vốn	Vốn điều lệ (triệu đồng)	Giá trị vốn tăng thêm (triệu đồng)	Hình thức tăng vốn	Căn cứ pháp lý
			hiện hữu)	
Tháng 05/2007	80.373,34	7.305,17	Trả cổ phiếu thưởng 10%	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2007; - Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0200453688 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.Hải Phòng cấp.
Tháng 11/2008	96.246,28	15.872,94	Trả cổ tức bằng cổ phiếu	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/2008/ĐHĐCĐ ngày 29/03/2008, - Giấy CNĐKDN số 0200453688 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.Hải Phòng cấp.
Tháng 03/2010	120.305,51	24.059,23	Phát hành cổ phiếu cho cán bộ công nhân viên trong công ty	<ul style="list-style-type: none"> - NQ 38/2010/ĐHĐCĐ ngày 25/03/2010, - Giấy CNĐKDN số 0200453688 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.Hải Phòng
Tháng 07/2011	238.945,02	118.639,51	Phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết ĐHĐCĐ số 42/ĐHĐCĐ ngày 25/03/2011, - Giấy CNĐKDN số 0200453688 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.Hải Phòng cấp. - CV số 3635/UBCK ngày 25/09/2012 về việc nhận đủ hồ sơ phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu.
Tháng 12/2012	240.385,02	1.440	Phát hành cổ phiếu cho cán bộ công nhân viên trong công ty	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy ĐKDN số 0200453688 Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.Hải Phòng thay đổi lần thứ 14 ngày 03/12/2012. - Nghị quyết ĐHĐCĐ số 46/ĐHĐCĐ ngày 23/02/2012; - CV số 2328/UBCK ngày 10/06/2013.
Tháng 08/2013	288.126,50	47.741,48	Trả cổ tức bằng cổ phiếu	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy ĐKDN số 0200453688 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư TP.Hải Phòng thay đổi lần thứ 15 ngày 18/07/2013; - Nghị quyết ĐHĐCĐ số

Thời điểm tăng vốn	Vốn điều lệ (triệu đồng)	Giá trị vốn tăng thêm (triệu đồng)	Hình thức tăng vốn	Căn cứ pháp lý
				54/ĐHĐCĐ ngày 16/03/2013; - CV số 3432/UBCK ngày 06/06/2014 về việc nhận đủ hồ sơ trả cổ tức bằng cổ phiếu; - Báo cáo kết quả số 58/BC-VSC ngày 17/7/2013; - Công văn của UBCKNN thông báo nhận được kết quả phát hành ngày 23/07/2013.
Tháng 07/2014	345.415,41	57.288,91	Trả cổ tức bằng cổ phiếu	- Giấy ĐKDN số 0200453688 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư TP.Hà Nội thay đổi lần thứ 16 ngày 05/07/2014. - Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/ĐHĐCĐ ngày 21/03/2014 ; - Công văn nhận được tài liệu hồ sơ phát hành cổ phiếu để trả cổ tức ngày 06/06/2014. - Báo cáo kết quả phát hành số 70/BCKQPH.VSC ngày 4/7/2014 - Công văn của UBCKNN thông báo nhận được kết quả phát hành ngày 11/07/2014.
Tháng 05/2016	414.160,42	68.745,01	Trả cổ tức bằng cổ phiếu	- Giấy ĐKDN số 0200453688 thay đổi lần thứ 17 ngày 02/07/2015. - Nghị quyết ĐHĐCĐ số 05/ĐHĐCĐ ngày 23/03/2015; - CV số 2490/UBCK ngày 12/05/2016 về việc nhận đủ hồ sơ phát hành trả cổ tức bằng cổ phiếu; - Báo cáo kết quả phát hành số 01/BCPH ngày 25/04/2016. - Công văn của UBCKNN thông báo nhận được kết quả phát hành ngày 13/05/2016.
Tháng	455.571,42	41.411	Trả cổ tức	- Giấy ĐKDN số 0200453688 thay đổi lần thứ 18 ngày

Thời điểm tăng vốn	Vốn điều lệ (triệu đồng)	Giá trị vốn tăng thêm (triệu đồng)	Hình thức tăng vốn	Căn cứ pháp lý
12/2017			bằng cổ phiếu	27/06/2016. - NQ ĐHĐCĐ số 01/2016/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/03/2016. - Báo cáo kết quả phát hành số 01/BCPH ngày 17/4/2017; - CV số 8246/UBCK ngày 07/12/2017 về việc thông báo đã nhận được kết quả phát hành.
Tháng 01/2018	501.123,04	45.551,62	Trả cổ tức bằng cổ phiếu	- Giấy ĐKDN số 0200453688 thay đổi lần thứ 19 ngày 17/01/2018; - NQ ĐHĐCĐ số 01/2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 30/03/2018 ĐHĐCĐ; - Báo cáo kết quả phát hành số 04/BCKQLPH - Công văn của UBCK về việc thông báo đã nhận được kết quả phát hành cổ phiếu trả cổ tức ngày 09/01/2018.
Tháng 07/2019	551.227,98	50.104,94	Trả cổ tức bằng cổ phiếu	- Giấy ĐKDN số 0200453688 thay đổi lần thứ 20, ngày 11/07/2019. - Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29/03/2019. - Công văn của UBCK về việc nhận đầy đủ hồ sơ phát hành cổ phiếu để trả cổ tức ngày 07/05/2019. - Báo cáo số 73/BCKQPH ngày 18/06/2019; - Công văn của UBCKNN thông báo nhận được kết quả phát hành ngày 20/06/2019.

Nguồn: VSC

7. Thông tin về các khoản góp vốn, thoái vốn lớn của Tổ chức phát hành tại các doanh nghiệp khác

Từ năm 2019 đến nay, Công ty không có khoản góp vốn, thoái vốn có giá trị từ 10% tổng tài sản trở lên ghi trong báo cáo tài chính tại thời điểm thực hiện của Tổ Chức Phát Hành.

8. Thông tin về chứng khoán đang lưu hành

8.1. Cổ phiếu phổ thông

Bảng 3: Cơ cấu cổ đông tại thời điểm ngày 24/08/2021

TT	Cổ đông	Số lượng (người)	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)
I	Cổ đông trong nước	2.561	51.371.926	93,2%
1	Cổ đông tổ chức	51	17.750.233	32,20%
	<i>Trong đó: Nhà nước</i>	0	0	0
2	Cổ đông cá nhân	2.510	33.621.693	61,00%
II	Cổ đông nước ngoài	161	3.750.782	6,80%
1	Cổ đông tổ chức	35	3.290.790	5,97%
2	Cổ đông cá nhân	126	460.082	0,83%
	Tổng cộng	2.722	55.122.798	100,000%

Nguồn: Danh sách cổ đông chốt tại ngày 24/08/2021 của Công ty

8.2. Cổ phiếu ưu đãi: không có.

8.3. Các loại chứng khoán khác: không có.

9. Thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài

- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Tổ chức phát hành theo quy định pháp luật: 49%
- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Tổ chức phát hành theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và quy định tại Điều lệ công ty (nếu có): Không có.
- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Tổ chức phát hành hiện tại: 6,80% (theo danh sách cổ đông chốt tại ngày 24/08/2021)

10. Hoạt động kinh doanh

10.1. Hoạt động kinh doanh chính

10.1.1. Đặc điểm hoạt động kinh doanh

❖ Sản phẩm/Dịch vụ kinh doanh

Được thành lập từ năm 1985, trải qua gần 36 năm hình thành và phát triển, Công ty cổ phần Container Việt Nam đã trở thành một trong những nhà khai thác cảng biển và cung cấp các dịch vụ trong chuỗi cung ứng-logistics chuyên nghiệp hàng đầu Việt Nam.. Từ hoạt động ban đầu là vận chuyển container, hiện nay, Công ty đã không ngừng phát triển mở rộng hệ thống dịch vụ cũng như nâng cao chất lượng dịch vụ đáp ứng nhu cầu khắt khe của khách hàng. Hệ thống dịch vụ của Công ty đã trở thành một chuỗi khép kín tạo giá trị gia tăng và tiện ích cho khách hàng.

Các dịch vụ mà công ty đang cung cấp hiện nay bao gồm:

- Kinh doanh cảng quốc tế;
- Kinh doanh bãi container;
- Kinh doanh kho hàng;
- Đại lý tàu và đại lý giao nhận;
- Bốc xếp hàng hóa;
- Hoạt động vận tải đường bộ.

▪ **Kinh doanh cảng quốc tế**

Công ty hiện đang khai thác cảng Green port có tổng chiều dài tuyến cầu tàu, kè 340m, độ sâu trước bến: 7,8 m, cùng một lúc có thể tiếp nhận hai tàu có tải trọng 10.000 DWT cập bến làm hàng, đảm bảo an toàn, nhanh chóng, thuận tiện. Trên bến được bố trí 03 cần trục chân đế mang nhãn hiệu Kranbau và Liebherr với nâng trọng 40 tấn, tầm với 32 m, năng suất bốc xếp từ 20 đến 25 container/cần trục/giờ.

Ngoài ra, các công ty con của Công ty cũng đang khai thác cảng Xanh Vip thông qua công ty con là Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP (VIP GREENPORT). Cảng Xanh Vip nằm phía hạ lưu sông Cẩm thuộc khu kinh tế Đình Vũ – Cát Hải, Hải Phòng, được đưa vào khai thác chính thức từ tháng 11 năm 2015. Với vị trí địa lý thuận lợi kết nối giao thông và hướng ra cửa biển. Cảng Xanh Vip đang hoạt động với 02 bến với tổng chiều dài 400m, 05 thiết bị xếp dỡ tuyến cầu tàu với sức nâng từ 45 tấn tới hơn 100 tấn, năng suất xếp dỡ bình quân 28 moves/ giờ/ thiết bị. Bãi container có sức chứa 12.000 teus, được quy hoạch riêng cho hàng nhập, hàng xuất, khu vực hàng trung chuyển/ quá cảnh... và đồng bộ với 2.000 phích cắm container lạnh. Vũng quay tàu rộng và vùng nước trước bến thường xuyên được duy tu, nạo vét với độ sâu -9.5m nên Cảng Xanh Vip có thể phục vụ cho các tàu có tải trọng lên đến 42.000 DWT (2.500 TEU) với chiều dài tàu 226M ra vào 24/7 và an toàn – tiết kiệm chi phí cho tất cả các bên liên quan như hãng tàu, người nhận hàng, người gửi hàng, các công ty đại lý giao nhận...Cảng Xanh Vip được cấp Giấy chứng nhận phù hợp với luật An ninh cảng biển quốc tế số: ISPS/SoCPF/090/VN và tuân thủ theo tiêu chuẩn ISO 9001:2000, do đó tất cả các tàu cập cảng sẽ được bảo đảm an toàn, an ninh tối đa.

▪ **Kinh doanh bãi container**

Tại Hải Phòng, Công ty đã đầu tư và khai thác khu vực bãi container với tổng diện tích 78.000 m², tương đương sức chứa khoảng 4.000 TEUS. Đây là khu vực được Tổng cục Hải Quan - Hải quan Hải Phòng công nhận là địa điểm thông quan từ năm 1995. Đây là hành lang pháp lý quan trọng, tạo điều kiện cho các chủ hàng xuất nhập khẩu hàng hóa. Bãi chứa container là một hạng mục nằm trong quần thể của cảng hoạt động góp phần tạo nên chuỗi dịch vụ khép kín.

Nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của bãi chứa container, Công ty đã ứng dụng những thành tựu của công nghệ thông tin vào việc quản lý container thông qua phần mềm CMS, giúp quản lý nhanh chóng, thuận tiện góp phần thỏa mãn tối đa nhu cầu của Khách hàng.

Ngoài ra, Công ty hiện đang quản lý và khai thác hệ thống bãi chứa container tại các khu vực kinh tế trọng điểm khác của đất nước như hệ thống bãi chứa container tại Đà Nẵng (diện tích 15.000 m², với sức chứa 750 TEUS), bãi chứa container tại TP.Hồ Chí Minh (diện tích 19.600 m², tương đương sức chứa 1.000 TEUs).

▪ **Kinh doanh kho hàng**

Hệ thống kho CFS tại Công ty cổ phần Container Việt Nam gồm 03 kho với tổng diện tích là 4.448 m², các kho đều đạt tiêu chuẩn để lưu giữ hàng xuất nhập khẩu và được quy hoạch cho từng kho riêng. Thủ tục thông quan, xuất khẩu và nhập khẩu đều được thực hiện ngay tại khu vực kho bãi này.

▪ **Đại lý tàu và đại lý giao nhận**

Hiện nay, Công ty đang làm tổng đại lý cho các hãng tàu lớn của thế giới như MSC (Thụy Sĩ), TS Lines (Đài Loan)... và có quan hệ hợp đồng với hầu hết tất cả các hãng tàu khác có mặt tại Việt Nam. Hệ thống đại lý được tổ chức theo mạng lưới đầy đủ cho các hãng tàu khác có mặt tại Việt Nam. Hệ thống đại lý được tổ chức theo mạng lưới đầy đủ cho các khu vực miền Bắc, miền Trung, miền Nam. Các hoạt động chính chủ yếu là đặt trước hàng, quản lý hàng hóa, thiết bị, container và giao nhận hàng xuất nhập khẩu cho các hãng tàu được ủy thác. Hoạt động này được gắn kết chặt chẽ với hoạt động của kho bãi, hoạt động bốc xếp, vận chuyển... nên chất lượng phục vụ đối với các hãng tàu và khách hàng được chủ động, kết nối được các dịch vụ khép kín, có điều kiện giảm chi phí dịch vụ, được nhiều khách hàng trong và ngoài nước tín nhiệm.

▪ **Bốc xếp hàng hóa**

Công tác xếp dỡ và đóng rút hàng container cũng đã được Công ty quan tâm, chú ý và đầu tư kịp thời. Hiện tại, toàn bộ quá trình bốc và xếp container tại các khu vực kho bãi và cảng đều được thực hiện bởi các thiết bị chuyên dùng. Hơn nữa, đội ngũ lái xe nâng đều được đào tạo bài bản và nhiều kinh nghiệm, vì vậy thời gian xếp dỡ được bảo đảm. Đây cũng là hoạt động đóng góp tích cực vào việc hoàn thiện sản phẩm dịch vụ do Công ty cung cấp, nâng cao doanh thu và lợi nhuận cho Công ty.

▪ **Hoạt động vận tải bộ**

Hiện nay, Công ty đang quản lý và khai thác các đội xe vận tải container chuyên dùng, hoạt động trên các tuyến đường bộ. Tính đến thời điểm hiện tại, trên cả ba miền Bắc, Trung, Nam, Công ty có tổng cộng có 53 đầu xe và 65 rơ moóc. Việc kinh doanh vận tải phụ thuộc vào giá cước vận tải từng khu vực. Để đảm bảo và nâng cao chất lượng dịch vụ, Công ty cũng thường xuyên thực hiện sửa chữa, bảo trì, kiểm tra container, lập trạm cung ứng kinh doanh nhiên liệu, dầu mỡ phụ để có thể chủ động trong việc cung cấp nhiên liệu cho các hoạt động kinh doanh của Công ty.

❖ **Sản lượng sản phẩm, giá trị dịch vụ**

▪ **Cơ cấu doanh thu của Công ty theo từng sản phẩm**

Bảng 4: Cơ cấu doanh thu của Công ty hợp nhất theo từng sản phẩm

Đơn vị: triệu đồng

Hoạt động	Năm 2019		Năm 2020		06 tháng đầu năm 2021	
	Doanh thu	Tỷ trọng	Doanh thu	Tỷ trọng	Doanh thu	Tỷ trọng
Bốc xếp dỡ container	1.183.416	66,02%	1.083.833	64,17%	593.789	65,11%
Lưu bãi, chạy lạnh, kiểm hóa, kiểm dịch	214.351	11,95%	193.188	11,43%	106.701	11,70%
Dịch vụ vận chuyển	207.258	11,56%	229.107	13,56%	114.179	12,52%
Dịch vụ khác	187.726	10,47%	182.737	10,84%	97.307	10,67%
Tổng cộng	1.792.751	100,00%	1.688.865	100,00%	911.976	100,00%

Nguồn: Công ty cổ phần Container Việt Nam

Bảng 5: Cơ cấu doanh thu của Công ty mẹ theo từng sản phẩm

Đơn vị: triệu đồng

Hoạt động	Năm 2019		Năm 2020		06 tháng đầu năm 2021	
	Doanh thu	Tỷ trọng	Doanh thu	Tỷ trọng	Doanh thu	Tỷ trọng
Bán hàng	69.705	11,72%	66.519	56,65%	42.350	56,90%
Bốc dỡ container	377.905	63,55%	12.000	10,22%	14.896	20,01%
Lưu bãi, chạy lạnh, kiểm hóa, kiểm dịch	55.201	9,28%	3.566	3,04%	11.305	15,19%
Cung cấp dịch vụ khác	91.829	15,44%	35.334	30,09%	5.878	7,90%
Tổng cộng	594.640	100,00%	117.419	100,00%	74.429	100,00%

Nguồn: Công ty cổ phần Container Việt Nam

▪ Cơ cấu lợi nhuận gộp theo từng sản phẩm

Bảng 6: Cơ cấu lợi nhuận gộp của Công ty hợp nhất theo từng sản phẩm

Đơn vị: triệu đồng

Hoạt động	Năm 2019		Năm 2020		06 tháng đầu năm 2021	
	Lợi nhuận gộp	Tỷ trọng	Lợi nhuận gộp	Tỷ trọng	Lợi nhuận gộp	Tỷ trọng
Bốc xếp dỡ container	275.245	63,00%	278.577	63,76%	170.848	62,89%
Lưu bãi, chạy lạnh, kiểm hóa, kiểm dịch	65.534	15,00%	71.889	16,45%	38.010	13,99%
Dịch vụ vận chuyển	43.690	10,00%	40.438	9,26%	20.192	7,43%
Dịch vụ khác	52.428	12,00%	58.410	13,37%	42.595	15,68%
Tổng cộng	436.897	100,00%	449.314	102,84%	271.645	100,00%

Nguồn: Công ty cổ phần Container Việt Nam

Bảng 7: Cơ cấu lợi nhuận gộp của Công ty mẹ theo từng sản phẩm

Đơn vị: triệu đồng

Hoạt động	Năm 2019		Năm 2020		06 tháng đầu năm 2021	
	Lợi nhuận gộp	Tỷ trọng	Lợi nhuận gộp	Tỷ trọng	Lợi nhuận gộp	Tỷ trọng
Bán hàng	11.941	11,72%	6.200	56,64%	5.820	56,89%
Bốc dỡ container	64.750	63,55%	1117	10,20%	2.046	20,00%

Hoạt động	Năm 2019		Năm 2020		06 tháng đầu năm 2021	
	Lợi nhuận gộp	Tỷ trọng	Lợi nhuận gộp	Tỷ trọng	Lợi nhuận gộp	Tỷ trọng
Lưu bãi, chạy lạnh, kiểm hóa, kiểm dịch	9.455	9,28%	331	3,02%	1.552	15,17%
Cung cấp dịch vụ khác	15.743	15,45%	3.298	30,13%	812	7,94%
Tổng cộng	101.889	100,00%	10.946	100,00%	10.230	100,00%

Nguồn: Công ty cổ phần Container Việt Nam

10.1.2. Tài sản

Giá trị tài sản theo báo cáo tài chính hợp nhất được kiểm toán tại thời điểm 31/12/2019, 31/12/2020, 30/06/2021 như sau:

Bảng 8: Tình hình tài sản của Công ty hợp nhất tính đến thời điểm 31/12/2019

Đơn vị: triệu đồng

Tài sản	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Tài sản cố định hữu hình	2.206.928	1.133.501	1.073.428
Nhà cửa và vật kiến trúc	803.937	362.540	441.398
Máy móc thiết bị	91.258	46.305	44.953
Phương tiện vận chuyển	1.283.692	710.172	573.520
Dụng cụ văn phòng	28.041	14.484	13.557
Tài sản cố định vô hình	19.805	10.836	8.970
Quyền sử dụng đất	5.418	-	5.418
Phần mềm	14.387	10.836	3.552

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2019 được kiểm toán của VSC

Bảng 9: Tình hình tài sản của Công ty mẹ tính đến thời điểm 31/12/2019

Đơn vị: triệu đồng

Tài sản	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Tài sản cố định hữu hình	430.218	363.938	66.280
Nhà cửa và vật kiến trúc	165.509	144.883	20.626
Máy móc thiết bị	24.308	10.846	13.462
Phương tiện vận chuyển	238.288	206.449	31.839
Dụng cụ văn phòng	2.113	1.759	353
Tài sản cố định vô hình	12.529	6.221	6.307
Quyền sử dụng đất	5.418	0	5.418
Phần mềm	7.111	6.221	890

Nguồn: Báo cáo tài chính riêng năm 2019 được kiểm toán của VSC

Bảng 10: Tình hình tài sản của Công ty hợp nhất tính đến thời điểm 31/12/2020

Đơn vị: triệu đồng

Tài sản	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Tài sản cố định hữu hình	2.247.138	1.332.930	914.207
Nhà cửa và vật kiến trúc	824.413	418.754	405.659
Máy móc thiết bị	90.285	57.957	32.328
Phương tiện vận chuyển	1.315.295	841.769	473.527
Dụng cụ văn phòng	17.144	14.450	2.694
Tài sản cố định vô hình	21.437	14.058	7.379
Quyền sử dụng đất	5.418	-	5.418
Phần mềm	16.019	14.058	1.961

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020 được kiểm toán của VSC

Bảng 11: Tình hình tài sản của Công ty mẹ tính đến thời điểm 31/12/2020

Đơn vị: triệu đồng

Tài sản	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
	(triệu VND)	(triệu VND)	(triệu VND)
Tài sản cố định hữu hình	67.570	50.327	17.423
Nhà cửa và vật kiến trúc	21.785	13.609	8.176
Máy móc thiết bị	435	435	0
Phương tiện vận chuyển	44.105	35.348	8.757
Dụng cụ văn phòng	1.426	935	491
Tài sản cố định vô hình	6.099	541	5.559
Quyền sử dụng đất	5.418	0	5.418
Phần mềm	681	541	141

Nguồn: Báo cáo tài chính riêng năm 2020 được kiểm toán của VSC

Bảng 12: Tình hình tài sản của Công ty mẹ tính đến thời điểm 30/06/2021

Đơn vị: triệu đồng

Tài sản	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
	(triệu VND)	(triệu VND)	(triệu VND)
Tài sản cố định hữu hình	63.355	47.313	16.042
Nhà cửa và vật kiến trúc	21.785	14.124	7.661
Máy móc thiết bị	435	435	0
Phương tiện vận chuyển	39.646	31.713	7.933
Thiết bị quản lý	1.489	1.041	448
Tài sản cố định vô hình	6.099	579	5.520
Quyền sử dụng đất	5.418	0	5.418
Phần mềm	681	579	102

Nguồn: Báo cáo tài chính riêng 06 tháng đầu năm 2021 được soát xét của VSC

Bảng 13: Tình hình tài sản của Công ty hợp nhất tính đến thời điểm 30/06/2021

Đơn vị: triệu đồng

Tài sản	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
	(triệu VND)	(triệu VND)	(triệu VND)
Tài sản cố định hữu hình	2.305.148	1.420.084	885.064
Nhà cửa và vật kiến trúc	828.371	445.527	382.845
Máy móc thiết bị	93.896	62.785	31.111
Phương tiện vận chuyển	1.365.424	896.529	468.895
Dụng cụ văn phòng	17.456	15.243	2.214
Tài sản cố định vô hình	21.333	14.545	6.788
Quyền sử dụng đất	5.418	0	5.418
Phần mềm	15.915	14.545	1.370

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất 06 tháng đầu năm 2021 được soát xét của VSC

10.1.3. Thị trường hoạt động

Công ty chỉ hoạt động trong thị trường Việt Nam tại các cảng tại Viconship. Do đó, Công ty không theo dõi phân chia thị trường hoạt động.

10.1.4. Báo cáo tình hình đầu tư, hiệu quả đầu tư, hiệu quả sản xuất kinh doanh, cung cấp dịch vụ trong các lĩnh vực hoạt động chính

Công ty cổ phần Container Việt Nam luôn chú trọng việc đầu tư, nâng cấp cơ sở hạ tầng. Đặc biệt, Công ty đang tiếp tục chuẩn bị pháp lý cho các dự án cảng nước sâu tại Hải Phòng và Đà Nẵng.

- Dự án đầu tư, xây dựng và khai thác cảng Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.
- Dự án đầu tư, xây dựng và khai thác cảng Lạch Huyện, thành phố Hải Phòng.

Trong những năm tiếp theo, các dự án trên dự kiến sẽ mang lại nguồn doanh thu và lợi nhuận bổ sung, hứa hẹn mang lại kết quả kinh doanh khả quan cho Công ty.

10.1.5. Các hợp đồng lớn đã và đang thực hiện

Bảng 14: Một số hợp đồng đã được ký kết hoặc đang thực hiện

TT	Hợp đồng	Tên đối tác	Tên sản phẩm dịch vụ (đầu ra/đầu vào)	Thời điểm ký kết hợp đồng	Thời gian thực hiện	Tổng giá trị hợp đồng (tỷ đồng)	Mối quan hệ với cổ đông nội bộ và cổ đông lớn
1	01/2021/HĐKT-	Công ty TNHH	Nạo vét duy tu khu nước	29/01/2021	180 ngày	9,44	Không

TT	Hợp đồng	Tên đối tác	Tên sản phẩm dịch vụ (đầu ra/đầu vào)	Thời điểm ký kết hợp đồng	Thời gian thực hiện	Tổng giá trị hợp đồng (tỷ đồng)	Mối quan hệ với cổ đông nội bộ và cổ đông lớn
	VGP	Xây dựng Chân Nam	trước bến và vũng quay tàu bến số 2 cảng xanh VIP				
2	02/2021/HĐKT-VGP	Công ty TNHH Xây dựng Chân Nam	Nạo vét duy tu khu nước trước bến và vũng quay tàu bến số 1 cảng xanh VIP	13/04/2021	120 ngày	8,65	Không
3	01/2021 HĐKT/HDT-VGP (hợp đồng nguyên tắc)	Công ty cổ phần đầu tư và phát triển HDT	Cấp điện nguồn sử dụng cho tang cuốn cáp RTG(9+10)-Kalmar	05/03/2021 (báo giá)	08-10 tuần	3,96	Không
4	Hợp đồng số 2021/TS A/GP-SKR	Công ty TNHH Sinokor Việt Nam	Dịch vụ bốc xếp giao nhận (đầu ra)	31/12/2020	01/1/2021-31/12/2021	Hợp đồng nguyên tắc	Không
5	Hợp đồng số 2021/TS A/GP-NSV	Công ty TNHH Namsung Shiping Việt Nam	Dịch vụ bốc xếp giao nhận (đầu ra)	31/12/2020	01/1/2021-31/12/2021	Hợp đồng nguyên tắc	Không
6	Hợp đồng số 2021/TS A/GP-HAS	Công ty TNHH Heung – A Shipping Việt Nam	Dịch vụ bốc xếp giao nhận (đầu ra)	31/12/2020	01/1/2021-31/12/2021	Hợp đồng nguyên tắc	Không
7	Hợp đồng số 02/2021/GP-PTSC	Công ty CP Cảng dịch vụ đầu khí Đình Vũ	Dịch vụ bốc xếp giao nhận (đầu vào)	17/12/2020	01/1/2021-31/12/2021	Hợp đồng nguyên tắc	Không

TT	Hợp đồng	Tên đối tác	Tên sản phẩm dịch vụ (đầu ra/đầu vào)	Thời điểm ký kết hợp đồng	Thời gian thực hiện	Tổng giá trị hợp đồng (tỷ đồng)	Mối quan hệ với cổ đông nội bộ và cổ đông lớn
8	Hợp đồng số 01/2021/GP-SILCO	Công ty CP tiếp vận quốc tế Song Nguyễn	Dịch vụ tàu lai (đầu vào)	31/12/2020	01/1/2021-31/12/2021	Hợp đồng nguyên tắc	Không
9	Hợp đồng số 06/HĐK T	Công ty TNHH TM XNK Tuấn Hưng	Phụ tùng, vật tư	02/01/2019	02/01/2019 - 31/12/2019	Hợp đồng nguyên tắc	Không
10	Hợp đồng số 01/GIC-LTP	Công ty TNHH MTV Linh Thuận Phát	Vệ sinh Container	31/08/2019	01/09/2019 - 31/08/2020	Hợp đồng nguyên tắc	Không
11	Hợp đồng số BX/2020 - 01/GLC-DLS	Công ty CP DV HH và VTB Đại Long	Đóng rút hàng tại kho CFS	31/12/2019	01/01/2020 - 31/12/2020	Hợp đồng nguyên tắc	Không

Nguồn: VSC

10.1.6. Các khách hàng, nhà cung cấp lớn

Bảng 15: Các khách hàng, nhà cung cấp lớn

STT	Tên khách hàng	Giá trị hợp đồng (tỷ đồng)	Thời gian thực hiện	Giá trị đã thực hiện tính đến 30/06/2021 (đồng)	Sản phẩm dịch vụ	Mối quan hệ với cổ đông nội bộ và cổ đông lớn của TCPH
1	Evergreen Shipping Agency (Vietnam) Corporation	Hợp đồng nguyên tắc	2016-2021	1.051.242.367.574	Xếp dỡ, tàu lai, nâng hạ, vận chuyển, sửa chữa, giám sát container lạnh	Không
2	Công ty TNHH OOCL Việt Nam	Hợp đồng nguyên tắc	2016 - 2021	189.596.584.312	Bốc xếp container, tàu lai, cầu bến,	Không

STT	Tên khách hàng	Giá trị hợp đồng (tỷ đồng)	Thời gian thực hiện	Giá trị đã thực hiện tính đến 30/06/2021 (đồng)	Sản phẩm dịch vụ	Mối quan hệ với cổ đông nội bộ và cổ đông lớn của TCPH
		tác			giám sát cont lạnh, sửa chữa	
3	Công ty TNHH Hàng Hải Liên Kết Việt Nam	Hợp đồng nguyên tác	2016-2021	7.530.835.385	Bốc xếp container, lưu bãi container	Không
4	Sealand Maersk Asia PTE.LTD	Hợp đồng nguyên tác	2017-2021	246.663.411.324	Bốc xếp, cầu bến, tàu lai	Không
5	Maersk Line A/S	Hợp đồng nguyên tác	2017-2021	303.045.098.343	Bốc xếp, cầu bến, tàu lai, vệ sinh sửa chữa	Không

10.1.7. Vị thế của Tổ chức phát hành trong ngành

- Vị thế của Tổ chức phát hành so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành**

Là đơn vị đầu tiên hoạt động trong lĩnh vực vận tải hàng hóa bằng container, trong quá trình hoạt động, Công ty luôn coi trọng việc đầu tư cơ sở hạ tầng, trang thiết bị, đổi mới hệ thống quản lý điều hành, cung cấp dịch vụ làm thị trường theo công nghệ 4.0, đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Vì thế trong những năm qua, Công ty đã không ngừng phát triển và nâng cao năng lực cạnh tranh. Với 02 cầu cảng, cảng Greenport được đánh giá là một trong những cảng lớn nhất của Hải Phòng. Cùng với vị trí địa lý thuận tiện và sở hữu diện tích kho bãi lớn, với chiến lược đầu tư mạnh vào hệ thống cảng biển, cảng Viconship đã và đang đóng vai trò vận tải hàng hóa bằng container hiệu quả tại Hải Phòng. Hiện nay, cảng Greenport có đủ năng lực đón tàu 25.000 DWT vào, với lưu lượng container qua cảng vào năm 2020 ước đạt 280.000 TEUS.

Ngoài ra, công ty con của Công ty cũng đang khai thác cảng Xanh Víp – với vị trí thuận lợi so với các cảng khác tại Hải Phòng. Cảng Xanh Víp là cảng thuộc khu vực hạ lưu, với chiều sâu trước bến khoảng -10,6 m, chiều dài cầu cảng gần 400 m. Hơn nữa, công ty có vị trí địa lý thuận tiện trong ngành khai thác cảng biển tại Hải Phòng, có vùng quay trở lớn (320m) gần trạm hoa tiêu nhất. Theo ước tính, năm 2020, lưu lượng container vận chuyển qua cảng Xanh Víp đạt khoảng 670.693 TEUs.

Về vị thế và thị phần của Công ty trong ngành, Công ty không có thông tin của các đối thủ cạnh tranh trong ngành do đó Công ty không đánh giá vị thế và thị phần của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành.

- Triển vọng phát triển của ngành:**

Thực trạng ngành cảng biển trong năm 2020

Theo Vinamarine, trong năm 2020, tổng sản lượng hàng hóa quốc tế qua các cảng biển Việt Nam tăng 9,8%. Trong đó sản lượng container quốc tế tăng 9% lên 14,4 triệu TEU, nhờ giá trị thương mại tăng 5%. Do ít chịu ảnh hưởng bởi dịch Covid 19 hơn nhiều so

với các nước xuất khẩu khác, Việt Nam được hưởng lợi từ chuỗi sản xuất khỏe mạnh. Sản lượng container nội địa thậm chí tăng 20,6% so với năm 2019.

Triển vọng phát triển của ngành

Fitch Solutions dự báo kim ngạch thương mại Việt Nam sẽ tăng trưởng với tốc độ trung bình hàng năm là 11% từ 2021 đến 2024 nhờ sự thúc đẩy đáng kể do tăng cường quan hệ thương mại song phương với một số quốc gia theo các hiệp định EVFTA và RCEP đã ký gần đây.

Việt Nam cũng đang tích cực phát triển hạ tầng logistics vì đây là một trong những chìa khóa quan trọng cho cạnh tranh của các nước trong bối cảnh các chuỗi cung ứng quốc tế có sự dịch chuyển, mở rộng ra ngoài thị trường Trung Quốc sau dịch COVID-19.

Hoạt động thương mại quốc tế của Việt Nam đang và được dự báo sẽ tăng trưởng tốt trong dài hạn là nguồn cầu lớn giúp dịch vụ logistic tăng trưởng tốt. Do đó, ngành cảng biển Việt Nam được dự báo sẽ tăng trưởng tốt trong ngắn và dài hạn, đặc biệt là đối với các cảng nước sâu. Xu hướng tăng kích thước tàu sẽ tiếp tục thuận lợi cho các cảng nước sâu. Việc mở rộng cảng tại khu vực cảng biển nước sâu Cái Mép- Thị Vải và Lạch Huyện sẽ thu hút tàu mẹ cập cảng Việt Nam thay vì các cảng trung chuyển tập trung trong khu vực như Singapore và HongKong. Do đó, tăng trưởng sản lượng được dự báo tăng trưởng khoảng 20% ở các khu vực này.

Ngành cảng biển cũng được hỗ trợ tốt nhờ khả năng tăng giá dịch vụ cảng. Giá dịch vụ xếp dỡ tại các cảng tại Việt Nam đang thấp hơn nhiều so với các nước láng giềng, và Bộ Giao Thông Vận Tải đang lấy ý kiến về việc tăng 10% giá sản mỗi năm trong giai đoạn 2021-2023.

Tuy nhiên, đối với khu vực Hải Phòng, cạnh tranh kéo dài của các công ty cảng biển tại Hải Phòng có thể cản trở mức độ tăng trưởng thực tế của các công ty trong khu vực này.

▪ ***Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Tổ chức phát hành so với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, xu thế chung trên thế giới.***

Theo Quyết định số 1037/QĐ-TTg của Thủ Tướng Chính Phủ ban hành ngày 24/06/2014 về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch phát triển hệ thống cảng biển Việt Nam đến năm 2020, định hướng đến năm 2030, mục tiêu chung của hệ thống cảng biển VN là “Phát triển hệ thống cảng biển theo một quy hoạch tổng thể và thống nhất trên quy mô cả nước nhằm đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; tạo cơ sở vật chất kỹ thuật để nhanh chóng đưa nước ta hội nhập và đủ sức cạnh tranh trong hoạt động cảng biển với các nước trong khu vực và trên thế giới, khẳng định vị trí và ưu thế về kinh tế biển, đồng thời góp phần bảo đảm quốc phòng, an ninh của đất nước. Hình thành những đầu mối giao lưu kinh tế quan trọng với quốc tế làm động lực phát triển các khu kinh tế, đô thị - công nghiệp ven biển”.

Theo đó, một trong những cảng chính trong hệ thống cảng biển Việt Nam là cảng cửa ngõ quốc tế Hải Phòng. Chính Phủ đẩy mạnh tập trung xây dựng cảng cửa ngõ quốc tế Hải Phòng nhằm đáp ứng nhu cầu hoạt động thương mại quốc tế ngày càng tăng cao của Việt Nam.

Công ty cổ phần Container Việt Nam đang khai thác và vận hành cảng Viconship, cảng Vip Xanh,... và định hướng đầu tư cảng nước sâu tại Lạch Huyện và Đà Nẵng. Chủ trương đầu tư này là bước đón đầu và hoàn toàn phù hợp với định hướng chiến lược phát triển của ngành, chính sách nhà nước cũng như xu hướng chung của thế giới.

10.1.8. Hoạt động marketing

Cùng với việc đầu tư mở rộng và phát triển các hoạt động sản xuất, công tác quản lý chất lượng, công tác tiếp thị là một trong những khâu quan trọng, đóng góp tích cực vào

hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Hoạt động này đã và đang được ban lãnh đạo Công ty chú trọng, xây dựng củng cố. Công ty luôn thực hiện và duy trì chính sách chất lượng: đảm bảo thoả mãn đầy đủ các yêu cầu của khách hàng, thu hút các khách hàng mới, mở rộng thị phần của các khách hàng tiềm năng bằng uy tín, chất lượng dịch vụ. Các cam kết cụ thể được đưa ra là: giá thành dịch vụ hợp lý, nhanh chóng, kịp thời cung cấp các chuỗi dịch vụ đầy đủ, khép kín và hoàn hảo.

10.1.9. Quyền sở hữu trí tuệ, nhãn hiệu, tên thương mại, sáng chế

Từ khi xuất hiện trên thị trường, thương hiệu VSC đã tạo được lòng tin đối với khách hàng và là một thương hiệu có uy tín trên thị trường.

Biểu tượng logo:



Thương hiệu Công ty đã được đăng ký và bảo hộ tại Cục Sở Hữu Trí Tuệ năm 2005 theo giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa số 68012.

10.1.10. Chính sách nghiên cứu và phát triển

Công ty cổ phần Container Việt Nam được thành lập ngày 27/7/1985, là một trong những doanh nghiệp nhà nước đầu tiên cung cấp dịch vụ vận chuyển container thời bấy giờ. Năm 2002, Công ty tiến hành cổ phần hóa và trở thành Công ty cổ phần. Năm 2008, Công ty chính thức được niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam với mã chứng khoán VSC.

Trải qua trên 30 năm xây dựng và phát triển, Công ty đã và đang là một trong những nhà khai thác cảng biển và cung cấp các dịch vụ trong chuỗi cung ứng-logistics chuyên nghiệp hàng đầu Việt Nam.

Nhận thức được việc nghiên cứu và phát triển, hoàn thiện chất lượng dịch vụ là yếu tố quyết định giúp nâng cao năng lực cạnh tranh, Công ty cổ phần Container Việt Nam luôn chú trọng chính sách nghiên cứu và phát triển sản phẩm dịch vụ. Công ty đã tích cực nghiên cứu thị trường, nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin, đổi mới chất lượng dịch vụ. Hiện tại, Công ty đã và đang nghiên cứu và hoàn thiện ứng dụng phần mềm E-port và các ứng dụng công nghệ trong các lĩnh vực khác.

Với chiến lược đa dạng hóa sản phẩm dịch vụ theo hướng cung cấp các chuỗi dịch vụ khép kín thoả mãn tối đa nhu cầu của khách hàng, đồng thời để đảm bảo phù hợp với xu thế phát triển các loại hình dịch vụ về vận tải, Công ty sẽ tiếp tục nghiên cứu, xây dựng các mô hình kho CFS có sức chứa lớn, hiện đại, năng suất phân loại, xếp dỡ cao, thời gian giao hàng nhanh chóng. Bên cạnh đó, hệ thống E-port phát triển bởi Viconship có thể được ví như một phiên bản Vietnam của Tradelens, giúp khách hàng có thể đổi lệnh, thanh toán cũng như theo dõi tình trạng container theo thời gian thực tế từ xa, từ đó giảm rất nhiều thời gian cũng như thủ tục trong quá trình làm việc.

Nhờ việc triển khai hệ thống E-port, dịch vụ của Công ty cổ phần Container Việt Nam ngày càng nâng cao chất lượng, nhận được sự tin tưởng và hài lòng từ phía đối tác. Hệ thống E-port được Công ty chính thức đưa vào vận hành từ năm 2018, nhờ đó, lượng container lưu thông tăng khá tốt từ năm 2018 đến nay.

10.1.11. Chiến lược kinh doanh

Mục tiêu chủ yếu của Công ty là tiến hành mở rộng hệ thống dịch vụ nhằm thỏa mãn nhu cầu ngày càng đa dạng của khách hàng. Mặt khác, Công ty không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ, đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu khắt khe của khách hàng. Đảm bảo việc phát triển bền vững, nâng cao năng lực cạnh tranh và phấn đấu trở thành một công ty logistics mang tầm cỡ quốc tế

Chiến lược phát triển trung và dài hạn (3-5 năm) của Công ty cổ phần Container Việt Nam như sau:

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn của Công ty là xem xét nghiên cứu, tìm hiểu thị trường để đầu tư vào nhiều lĩnh vực tiềm năng trên cơ sở những thế mạnh kinh doanh sẵn có, nhằm mang lại lợi ích kinh tế lớn nhất và ngày càng đưa Công ty phát triển lên một tầm cao mới
- Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn và trung hạn của Công ty.
- Công ty đảm bảo rằng vấn đề trách nhiệm với môi trường, xã hội và cộng đồng.

Các giải pháp để thực hiện chiến lược kinh doanh

- Nguồn vốn: Hiện tại, vốn điều lệ của Công ty là khoảng 551 tỷ đồng. Với đợt tăng vốn lần này, dự kiến vốn điều lệ của Công ty sẽ tăng lên đạt khoảng 1.102 tỷ đồng. Ngoài ra, Công ty cũng có kế hoạch làm việc với các ngân hàng thương mại... để huy động vốn đối với từng dự án cụ thể trong tương lai.
- Nhân lực: Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, chú trọng đào tạo nhân lực cho mục tiêu dài hạn, tạo điều kiện và khuyến khích người lao động học tập nâng cao trình độ;
- Đầu tư mở rộng: Nghiên cứu, lựa chọn các hạng mục đầu tư, nâng cấp cơ sở hạ tầng để phát triển dài hạn của Công ty.

10.1.12. Trường hợp Tổ chức phát hành hoạt động trong lĩnh vực ngành nghề kinh doanh có điều kiện, nêu thông tin về việc đáp ứng các điều kiện kinh doanh theo quy định pháp luật liên quan.

Công ty không hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh có điều kiện.

11. Chính sách đối với người lao động

11.1. Số lượng và cơ cấu người lao động trong Công ty

Chất lượng nguồn nhân lực là một trong những yếu tố quan trọng quyết định sự phát triển lâu dài và bền vững của Công ty nên VSC luôn đặt mục tiêu xây dựng đội ngũ cán bộ công nhân viên chuyên nghiệp lên hàng đầu trong chiến lược phát triển của mình.

Theo Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2019 và năm 2020, tổng số cán bộ công nhân viên Công ty năm 2019 và 2020 lần lượt là 1.152 người và 1.167 người.

Tính đến 30/06/2021, tổng số cán bộ công nhân viên của Công ty là: 1.186 người.

Bảng 16: Cơ cấu nhân sự của VSC tại thời điểm 30/06/2021

STT	Loại lao động	Số lượng
I	Phân theo giới tính	1.186
1	Nam	1.008
2	Nữ	178
II	Phân theo trình độ học vấn	1.186
1	Trình độ trên Đại học	06
2	Trình độ Đại học	735
3	Đối tượng khác	445
III	Phân theo lao động thường xuyên/thời vụ	1.186
1	Lao động thường xuyên	1.186
2	Lao động thời vụ	0

Nguồn: VSC

11.2. Chính sách đối với người lao động

Chế độ làm việc:

- Thời gian làm việc:
 - Người lao động làm việc tại Công ty 8 giờ/ngày và 5,5 ngày/tuần.
 - Người lao động được nghỉ theo quy định của Luật Lao động bao gồm: ngày lễ, nghỉ Tết, nghỉ ốm, nghỉ thai sản, nghỉ phép, nghỉ việc riêng...
- Chế độ bảo hiểm, phúc lợi: Công ty bảo đảm quyền lợi về bảo hiểm và phúc lợi cho người lao động trên cơ sở các quy định của pháp luật hiện hành.

Chính sách đào tạo

Nhận thức được tầm quan trọng của nguồn nhân lực trong sự phát triển của Công ty, VSC đặc biệt chú trọng tới việc đào tạo và phát triển nguồn nhân lực. VSC thường xuyên tổ chức các lớp đào tạo nội bộ, đồng thời khuyến khích cán bộ nhân viên nâng cao trình độ thông qua việc tham gia các khóa học bên ngoài do Công ty tài trợ. Bên cạnh đó, VSC còn tạo điều kiện hỗ trợ về mặt thời gian cho những lao động có nhu cầu học tập, đào tạo.

Chính sách lương

Công ty xây dựng quy chế về quản lý và phân phối tiền lương áp dụng thống nhất trong toàn Công ty. Đơn giá tiền lương được xác định dựa vào Tổng quỹ lương (theo quy định của Nhà nước về thang bảng lương, số lượng lao động, mức lương tối thiểu) và doanh số. Tiền lương được phân phối theo nguyên tắc phân phối theo hiệu quả lao động và sử dụng tiền lương như đòn bẩy kinh tế quan trọng nhất để kích thích người lao động tích cực tham gia sản xuất kinh doanh. Việc phân phối lương được thực hiện công khai và dân chủ, đảm bảo sự công bằng và hợp lý giữa các chức danh trong Công ty.

Chính sách thưởng

Nhằm khuyến khích động viên cán bộ công nhân viên trong Công ty gia tăng hiệu quả đóng góp, tăng năng suất chất lượng hoàn thành công việc. Công ty đưa ra chính sách thưởng hàng kỳ, thưởng đột xuất cho cá nhân và tập thể. Việc xét thưởng căn cứ vào thành tích của cá nhân hoặc tập thể trong việc thực hiện tiết kiệm, sáng kiến cải tiến kỹ thuật, về phương pháp tổ chức kinh doanh, tìm kiếm được khách hàng mới, thị trường mới, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, đạt được hiệu quả cao trong kinh doanh, có thành tích chống tiêu cực, lãng phí.

Các chế độ chính sách khác đối với người lao động

Công ty thực hiện các chế độ bảo đảm xã hội cho người lao động theo Luật Lao động, Nội quy lao động và Thỏa ước lao động tập thể. Công ty luôn quan tâm đến đời sống người lao động và cải thiện điều kiện cho cán bộ công nhân viên. Cụ thể:

- Tặng quà cho các cán bộ công nhân viên vào các ngày Quốc tế Phụ nữ 8/3, ngày Phụ nữ Việt Nam 20/10, ngày lễ Tết (Tết Dương lịch, Tết Nguyên đán, 30/4, ngày Quốc tế Lao động 1/5, ngày Quốc khánh 2/9);
- Tổ chức cho các cán bộ công nhân viên đi nghỉ mát, du lịch hàng năm;
- Tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động;
- Tổ chức vui chơi và tặng quà cho các cháu là con của các cán bộ công nhân viên Công ty nhân ngày Quốc tế Thiếu nhi 1/6, Rằm Trung thu;
- Tặng quà cho các cháu đạt thành tích cao trong học tập.

12. Chính sách cổ tức

Căn cứ theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, chính sách phân phối cổ tức do Hội đồng quản trị đề nghị và Đại hội đồng cổ đông quyết định như sau:

- Công ty chỉ được chi trả cho cổ đông khi kinh doanh có lãi và đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.
- Cổ đông được chia cổ tức tương đương với phần vốn góp và tùy theo đặc điểm tình hình kinh doanh theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
- Tỷ lệ cổ tức sẽ được Đại hội đồng cổ đông quyết định dựa trên đề xuất của Hội đồng quản trị, với căn cứ là kết quả hoạt động kinh doanh của năm hoạt động và phương án hoạt động kinh doanh của các năm tới.

Bảng 17: Tỷ lệ trả cổ tức trong những năm gần đây

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
Tỷ lệ trả cổ tức (% vốn điều lệ)	20% bằng tiền	20% bằng tiền	20% bằng tiền

Nguồn: VSC

13. Thông tin về tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán gần nhất

Trong vòng 2 năm từ tháng 03 năm 2019 đến nay, Công ty không có đợt chào bán cổ phiếu nào có thu tiền.

14. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Tổ chức phát hành

Không có

15. Các thông tin, nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Tổ chức phát hành có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Tổ chức phát hành, đợt chào bán, giá cổ phiếu chào bán, dự án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán

❖ Theo Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2019:

Công ty cổ phần Container Việt Nam (hợp nhất) chưa ghi nhận một khoản nợ trên báo cáo tài chính cho số thuế phải hoàn trả do Cục thuế thành phố Hải Phòng chưa tiến hành kiểm tra và có kết luận về việc hoàn trả thuế này, cụ thể như sau:

Ngày 14 tháng 09 năm 2018, Kiểm toán Nhà nước đã có kiến nghị tăng thu, giảm chi ngân sách Nhà nước từ kết quả kiểm toán việc quản lý, sử dụng tài chính, tài sản công năm 2017 tại Tổng cục thuế và chuyên đề công tác hoàn thuế giá trị gia tăng tại Tổng Cục thuế và 19 tỉnh, thành phố. Theo đó, tại cuộc họp với Cục thuế thành phố Hải Phòng ngày 25 tháng 10 năm 2018, Công ty cổ phần Cảng Xanh Vip, một công ty con của Công ty, được thông báo phải hoàn trả lại số tiền 9.954.508.833 đồng trên tổng số thuế GTGT mà Công ty cổ phần Cảng Xanh Vip đã được hoàn theo Quyết định của Cục Thuế thành phố Hải Phòng là 31.471.502.631 đồng cho giai đoạn từ tháng 9 năm 2015 đến tháng 9 năm 2016 với lý do dự án đã đi vào hoạt động, phát sinh doanh thu.

Ngày 29 tháng 10 năm 2018, Công ty cổ phần Cảng Xanh Vip đã gửi công văn số 106/CT-KT khiếu nại với cơ quan có thẩm quyền về khoản tiền thuế GTGT nêu trên, do đây là số thuế GTGT đầu vào trong giai đoạn đầu tư số 2, từ tháng 1 năm 2016 đến tháng 11 năm 2016, ghi rõ tại giấy chứng nhận đầu tư của Công ty cổ phần Cảng Xanh Vip và thỏa mãn điều kiện được hoàn thuế theo các quy định của pháp luật.

Ngày 1 tháng 3 năm 2019, Kiểm toán Nhà nước đã có công văn số 218/KTNN-CNII gửi Tổng Cục Thuế đề nghị Tổng Cục Thuế chỉ đạo Cục thuế thành phố Hải Phòng kiểm tra, xác định tính chính xác số thuế giá trị gia tăng được hoàn để làm căn cứ truy thu số tiền thuế GTGT theo đúng quy định pháp luật.

Ngày 11 tháng 4 năm 2019, Kiểm toán Nhà nước đã có công văn số 294/KTNN-CNII gửi Công ty cổ phần Cảng Xanh Vip đề nghị Công ty làm việc với Cục thuế thành phố Hải Phòng để giải quyết vụ việc.

❖ Quyết định về việc không phải hoàn lại số thuế trên

Ngày 14 tháng 01 năm 2021, Cục thuế TP.Hải Phòng đã ban hành quyết định số 123/QĐ-CT về việc thu hồi Quyết định số 15331/QĐ-CT và Quyết định số 15332/QĐ-CT ngày 16/11/2018 của Cục trưởng Cục Thuế TP.Hải Phòng về việc xử lý vi phạm hành chính của Cục thuế TP.Hải Phòng tại Công ty cổ phần Cảng Xanh Vip. Theo đó, Công ty cổ phần Cảng Xanh Vip không phải hoàn lại số thuế nêu trên.

❖ Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2020

Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2020 được ban hành ngày 08 tháng 03 năm 2021. Do đó, khoản nợ tiềm ẩn trên đã không còn và không cần ghi nhận vào báo cáo tài chính.

16. Thông tin về cam kết của Tổ chức phát hành không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích

Công ty Cổ phần Container Việt Nam cam kết, tại thời điểm nộp hồ sơ phát hành chào bán thêm cổ phiếu năm 2021, Công ty Cổ phần Container Việt Nam không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH

1. Kết quả hoạt động kinh doanh

1.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của Tổ chức phát hành trong 02 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất

Bảng 18: Một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của Công ty mẹ trong giai đoạn 2019- 06 tháng đầu năm 2021

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	% tăng giảm năm 2020 so với năm 2019	06 tháng đầu năm 2021
Tổng giá trị tài sản	1.466.470	1.346.250	-8,20%	1.500.531
Doanh thu thuần	594.641	117.419	-80,25%	74.429
Lợi nhuận gộp	101.890	10.947	-89,26%	10.231
Lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh	159.493	83.780	-47,47%	184.949
Lợi nhuận khác	9.568	3.700	-61,33%	1.663
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	169.061	87.480	-48,26%	186.612
Lợi nhuận sau thuế	146.633	85.379	-41,77%	185.140
Tỷ lệ chi trả cổ tức	20% bằng tiền	20% bằng tiền	0%	20%

Nguồn: BCTC riêng năm 2019, 2020 được kiểm toán và BCTC riêng 06 tháng đầu năm 2021 được soát xét.

Bảng 19: Một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của Công ty hợp nhất trong giai đoạn 2019 - 06 tháng đầu năm 2021

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	% tăng/giảm	06 tháng đầu năm 2021
- Tổng giá trị tài sản	2.393.245	2.458.144	2,71%	2.526.311
- Doanh thu thuần	1.792.751	1.688.865	-5,79%	911.976
- Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	345.260	331.352	859,72%	210.114
- Lợi nhuận khác	(3.087)	4.533	-246,84%	1.738
- Lợi nhuận trước thuế	342.173	335.886	-1,84%	208.368

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	% tăng/ giảm	06 tháng đầu năm 2021
- Lợi nhuận sau thuế	285.795	296.404	3,71%	180.637
- Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	38,58%	37,19%	-	-
- Tỷ lệ cổ tức	20% bằng tiền mặt	20% bằng tiền mặt	-	-

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2019, 2020 được kiểm toán và BCTC hợp nhất 06 tháng đầu năm 2021 được soát xét.

1.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Tổ chức phát hành

- Những nhân tố chính tác động đến tình hình hoạt động kinh doanh của Tổ chức phát hành trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán
 - Dịch bệnh Covid 19 bùng phát ở nhiều nơi trên toàn thế giới
 Năm 2020, nền kinh tế toàn cầu bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh Covid 19 đem đến những khó khăn và thách thức nhất định cho Công ty. Một số khách hàng của Công ty do ảnh hưởng từ dịch bệnh dẫn đến thiếu hụt container rỗng nên phải tạm thời bỏ tuyến dịch vụ tại Hải Phòng.
 - Căng thẳng chính trị ở các quốc gia:
 Mặc dù căng thẳng chính trị có xu hướng giảm leo thang trong đại dịch nhưng có thể bùng phát trở lại. Hơn nữa, quan hệ căng thẳng giữa tổ chức các nước xuất khẩu dầu mỏ (OPEC), Nga và các nước xuất khẩu dầu ngoài OPEC gây rủi ro cho nguồn cung cầu toàn cầu.
 - Cạnh tranh trong các mảng dịch vụ chính của Công ty ngày càng khốc liệt
 Với sự tham gia của một số cảng mới tại khu vực Đình Vũ, hiện tại, lượng cung dịch vụ đang lớn hơn cầu dẫn đến sự cạnh tranh mạnh mẽ trong ngành dịch vụ cảng biển.
- Những biến động lớn có thể ảnh hưởng tới kết quả hoạt động kinh doanh của Tổ chức phát hành kể từ thời điểm 31/12/2020: không có.

2. Tình hình tài chính

2.1. Một số chỉ tiêu tài chính cơ bản

Báo cáo về vốn điều lệ, vốn kinh doanh và tình hình sử dụng vốn điều lệ, vốn kinh doanh:

Công ty cổ phần Container Việt Nam luôn sử dụng và quản lý vốn góp của cổ đông và vốn kinh doanh theo đúng các quy định của pháp luật và đúng mục đích quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

Tính tới thời điểm 31/12/2020, tổng tài sản của Công ty là 2.458.144.481.968 đồng, tăng 2,71% so với thời điểm cuối năm 2019, trong đó nợ phải trả là gần 287.446.269.234 đồng. Việc tăng vốn điều lệ và vốn kinh doanh trong những năm gần đây đã góp phần đem lại hiệu quả cho hoạt động sản xuất kinh doanh, cụ thể là đầu tư trang thiết bị tăng năng lực sản xuất kinh doanh.

Bảng 20: Cơ cấu vốn kinh doanh của Công ty hợp nhất

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	30/06/2021
Tổng tài sản	2.458.144.481.968	2.521.243.660.807	2.526.311.123.612
Nợ phải trả	287.416.269.234	276.143.720.206	266.575.691.747
Vốn chủ sở hữu	2.170.698.212.734	2.245.099.940.601	2.259.735.431.865
Vốn điều lệ	551.227.980.000	551.227.980.000	551.227.980.000

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2019, 2020 đã được kiểm toán và BCTC hợp nhất 06 tháng đầu năm 2021 được soát xét

Bảng 21: Cơ cấu vốn kinh doanh của Công ty mẹ

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	30/06/2021
Tổng tài sản	1.466.470.204.762	1.346.250.182.933	1.500.530.632.915
Nợ phải trả	121.326.734.997	76.846.701.380	81.468.701.889
Vốn chủ sở hữu	1.345.113.469.765	1.269.403.481.553	1.419.061.931.026
Vốn điều lệ	551.227.980.000	551.227.980.000	551.227.980.000

Nguồn: BCTC riêng năm 2019, 2020 đã được kiểm toán và BCTC riêng 06 tháng đầu năm 2021 được soát xét.

Trích khấu hao TSCĐ:

Khấu hao và khấu trừ tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Bảng 22: Thời gian khấu hao TSCĐ

Nhóm tài sản	Thời gian
Nhà cửa, vật kiến trúc	5-25 năm
Máy móc thiết bị	3-7 năm
Phương tiện vận chuyển	3-10 năm
Dụng cụ văn phòng	3- 5 năm

Nguồn: VSC

Công ty luôn thực hiện trích lập khấu hao tài sản theo đúng quy định của pháp luật.

Mức lương bình quân:

Bảng 23: Mức lương bình quân

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020
Mức lương bình quân (đồng/người/tháng)	9.906.000 VNĐ	10.350.000 VNĐ

Nguồn: VSC

Mức lương bình quân hàng tháng của người lao động tăng qua các năm.

So sánh mức lương bình quân của Công ty với một số doanh nghiệp cùng ngành

Mức lương bình quân năm 2020 của một số công ty trong ngành như sau:

Chỉ tiêu	Công ty cổ phần Cảng Đoạn Xá (mã chứng khoán DXP)	Công ty Cổ phần Vận tải biển Sài Gòn (mã chứng khoán SGS)	Công ty Cổ phần Xếp dỡ và Dịch vụ Cảng Sài Gòn (mã chứng khoán: SAC)
Mức lương bình quân năm 2020 (VND/người/tháng)	12.222.524	13.621.830	6.028.372

Nguồn: Tính toán theo BCTC kiểm toán năm 2020 của các Công ty

Như vậy so với các doanh nghiệp trong ngành, mức lương bình quân người lao động năm 2020 của Công ty cổ phần Container Việt Nam ở mức trung bình.

Các khoản phải nộp theo luật định:

Công ty đã thực hiện nghiêm túc việc nộp các khoản phải nộp theo luật định đúng quy định của Nhà nước.

Bảng 24: Thuế và các khoản phải nộp nhà nước của Công ty hợp nhất

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	30/06/2021
Thuế Giá trị gia tăng	1.415.544.581	3.226.308.713	5.380.396.477
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	6.551.131.689	17.470.919.892	21.482.837.450
Thuế Thu nhập cá nhân	1.488.641.918	1.109.376.846	834.453.176
Thuế khác	856.513.342	823.179.387	5.933.481.448
Tổng cộng	10.311.831.530	22.629.784.838	33.631.568.551

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2019, 2020 đã được kiểm toán và BCTC hợp nhất 06 tháng đầu năm 2021 được soát xét

Bảng 25: Thuế và các khoản phải nộp nhà nước của Công ty mẹ

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	30/06/2021
Thuế Giá trị gia tăng	255.976.154	333.900.531	147.660.708
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	4.888.148.307	311.908.366	689.813.394
Thuế Thu nhập cá nhân	840.433.530	378.230.905	68.764.241
Thuế khác	788.093.188	823.179.387	6.757.025.040
Tổng cộng	6.772.651.179	1.847.219.189	7.663.263.383

Nguồn: BCTC riêng năm 2019, 2020 đã được kiểm toán và BCTC riêng 06 tháng đầu năm 2021 được soát xét.

Trích lập các quỹ theo luật định:

Theo quy định của Điều lệ Công ty, trước khi thực hiện phân chia cổ tức, Công ty phải trích lập các quỹ. Việc trích lập các quỹ sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo đúng chế độ tài chính hiện hành do Nhà nước quy định.

Bảng 26: Trích lập các quỹ theo luật định của Công ty hợp nhất

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	30/06/2021
Quỹ đầu tư phát triển	765.535.153.633	796.621.563.156	826.088.451.118
Quỹ khen thưởng phúc lợi	28.622.525.748	22.483.046.846	18.574.109.194
Tổng cộng	794.157.679.381	819.104.610.002	844.662.560.312

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2019, 2020 đã được kiểm toán và BCTC hợp nhất 06 tháng đầu năm 2021 được soát xét.

Bảng 27: Trích lập các quỹ theo luật định của Công ty mẹ

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	30/06/2021
Quỹ đầu tư phát triển	646.734.369.757	646.734.369.757	646.734.369.757
Quỹ khen thưởng phúc lợi	23.796.651.836	16.318.677.777	4.725.842.125
Tổng cộng	670.531.021.593	663.053.047.534	651.460.211.882

Nguồn: BCTC riêng năm 2019, 2020 đã được kiểm toán và BCTC riêng 06 tháng đầu năm 2021 được soát xét.

Tình hình công nợ hiện nay:

Bảng 28: Các khoản phải thu của Công ty hợp nhất

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	30/06/2021
Các khoản phải thu ngắn hạn	211.129.622.961	268.111.036.427	245.451.745.380
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	176.467.954.758	193.832.261.311	221.294.821.787
Trả trước cho người bán ngắn hạn	5.165.933.846	41.665.304.537	4.322.746.132
Phải thu ngắn hạn khác	30.897.766.464	33.424.268.661	20.644.975.543
Dự phòng các khoản thu ngắn hạn khó đòi	(1.402.032.107)	(810.798.082)	(810.798.082)
Các khoản phải thu dài hạn	353.000.000	1.474.750.000	1.541.000.000
Phải thu dài hạn khác	353.000.000	1.474.750.000	1.541.000.000
Tổng cộng	211.482.622.961	269.585.786.427	246.992.745.380

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2019, 2020 được kiểm toán và BCTC hợp nhất 06 tháng đầu năm 2021 được soát xét.

Bảng 29: Các khoản phải thu của Công ty mẹ

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	30/06/2021
Các khoản phải	215.957.868.264	85.459.811.142	88.277.937.104

Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	30/06/2021
thu ngắn hạn			
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	68.319.768.482	24.132.891.501	38.617.216.337
Trả trước cho người bán ngắn hạn	552.493.695	97.711.590	186.856.431
Phải thu về cho vay ngắn hạn	55.845.368.923	12.686.407.947	5.710.260.509
Phải thu ngắn hạn khác	91.558.565.685	48.861.128.625	44.081.932.348
Dự phòng các khoản thu ngắn hạn khó đòi	(318.328.521)	(318.328.521)	(318.328.521)
Các khoản phải thu dài hạn	77.234.482.975	17.784.015.594	5.818.713.448
Phải thu dài hạn khác	77.234.482.975	17.784.015.594	5.818.713.448
Tổng cộng	293.192.351.239	103.243.826.736	94.096.650.552

Nguồn: BCTC riêng năm 2019, 2020 được kiểm toán và BCTC riêng 06 tháng đầu năm 2021 được soát xét.

Các khoản phải thu quá hạn

Công ty không có các khoản phải thu quá hạn nào.

Bảng 30: Các khoản phải trả của Công ty hợp nhất

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	30/06/2021
Nợ ngắn hạn	259.079.310.782	287.416.269.234	265.333.233.247
Phải trả người bán ngắn hạn	86.908.933.261	104.828.010.651	87.093.970.048
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	1.663.733.749	1.940.835.088	1.912.543.976
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	10.311.831.530	22.629.784.838	33.631.568.551
Phải trả người lao động	72.198.177.819	83.751.760.550	44.211.852.150
Chi phí phải trả ngắn hạn	5.063.285.052	9.554.614.989	14.644.178.044
Phải trả ngắn hạn khác	42.362.823.623	42.228.216.272	62.265.011.284
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	11.948.000.000	-	-
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	28.622.525.748	22.483.046.846	18.574.109.194
Nợ dài hạn	64.087.458.184	30.000.000	1.242.458.500
Phải trả dài hạn khác	30.000.000	30.000.000	30.000.000

Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	30/06/2021
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn và dự phòng phải trả dài hạn	64.057.458.184	0	1.212.458.500
Tổng cộng	323.166.768.966	287.446.269.234	266.575.691.747

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2019, 2020 được kiểm toán và BCTC hợp nhất 06 tháng đầu năm 2021 được soát xét.

Bảng 31: Các khoản phải trả của Công ty mẹ

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	30/06/2021
Nợ ngắn hạn	121.326.734.997	76.816.701.380	80.226.243.389
Phải trả người bán ngắn hạn	37.092.530.649	15.148.422.953	10.071.341.924
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	960.299.083	1.283.536.085	4.508.276.362
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	6.772.651.179	1.847.219.189	7.663.263.383
Phải trả người lao động	16.820.012.591	5.768.734.921	836.184.495
Chi phí phải trả ngắn hạn	165.899.880	0	2.217.300.000
Phải trả ngắn hạn khác	35.718.689.779	36.450.110.455	50.204.035.100
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	0	0	0
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	23.796.651.836	16.318.677.777	4.725.842.125
Nợ dài hạn	30.000.000	30.000.000	1.242.458.500
Phải trả dài hạn khác	30.000.000	30.000.000	30.000.000
Dự phòng phải trả dài hạn	0	0	1.212.458.500
Tổng cộng	121.356.734.997	76.846.701.380	81.468.701.889

Nguồn: BCTC riêng năm 2019, 2020 được kiểm toán và BCTC riêng 06 tháng đầu năm 2021 được soát xét.

Thanh toán các khoản nợ đến hạn:

Công ty luôn thanh toán đầy đủ và đúng hạn các khoản vay nợ. Tính đến thời điểm 30/06/2021, Công ty không có khoản nợ quá hạn nào.

Trường hợp vi phạm các điều khoản khác trong hợp đồng/cam kết bao gồm các vi phạm của Tổ Chức Phát Hành và công ty con:

Không có.

2.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 32: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty hợp nhất

Các chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2019	Năm 2020
1. Khả năng thanh toán			
- Hệ số thanh toán ngắn hạn:			

Các chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2019	Năm 2020
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	Lần	2,45	3,12
- Hệ số thanh toán nhanh:			
(Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	Lần	2,36	3,02
2. Cơ cấu vốn			
- Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	13,50%	11,69%
- Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	15,61%	13,24%
3. Năng lực hoạt động			
- Vòng quay tổng tài sản:			
Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	Lần	0,73	0,70
- Vòng quay vốn lưu động:			
Doanh thu thuần/Tổng tài sản ngắn hạn bình quân	Lần	2,89	2,21
- Vòng quay hàng tồn kho:			
Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	Lần	60,24	48,67
4. Khả năng sinh lời			
- Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu (ROS):			
Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	15,94%	17,55%
- Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn kinh doanh (ROA):			
Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	11,71%	12,22%
- Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE):			
Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	14,24%	13,98%
- Thu nhập trên cổ phần (EPS)	Đồng/cổ phần	3.827	3.913

Nguồn: Tính toán dựa trên BCTC hợp nhất năm 2019, 2020 được kiểm toán

Bảng 33: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty mẹ

Các chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2019	Năm 2020
1. Khả năng thanh toán			
- Hệ số thanh toán ngắn hạn:			
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	Lần	3,46	4,07
- Hệ số thanh toán nhanh:			
(Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	Lần	3,40	4,06
2. Cơ cấu vốn			
- Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	8,28%	5,71%
- Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	9,02%	6,05%
3. Năng lực hoạt động			
- Vòng quay tổng tài sản:			

Các chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2019	Năm 2020
Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	Lần	0,41	0,08
- Vòng quay vốn lưu động:			
Doanh thu thuần/Tổng tài sản ngắn hạn bình quân	Lần	1,41	0,32
- Vòng quay hàng tồn kho:			
Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	Lần	74,04	26,00
4. Khả năng sinh lời			
- Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu (ROS):			
Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	24,66%	72,71%
- Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn kinh doanh (ROA):			
Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	10,03%	6,07%
- Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE):			
Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	10,96%	6,53%
- Thu nhập trên cổ phần (EPS)	Đồng/cổ phần	2.660	1.549

Nguồn: Tính toán dựa trên BCTC riêng năm 2019, 2020 được kiểm toán

3. Ý kiến của Tổ chức kiểm toán đối với Báo cáo tài chính của Tổ chức phát hành

Ý kiến của Tổ chức kiểm toán thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2019 của Tổ chức phát hành:

Theo ý kiến của Tổ chức kiểm toán, báo cáo tài chính riêng và hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng và hợp nhất của Công ty cổ phần Container Việt Nam và các công ty con tại ngày 31/12/2019, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ riêng và hợp nhất của Công ty cổ phần Container Việt Nam và các công ty con cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Ý kiến của Tổ chức kiểm toán thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2020 của Tổ chức phát hành:

Theo ý kiến của Tổ chức kiểm toán, báo cáo tài chính riêng và hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng và hợp nhất của Công ty cổ phần Container Việt Nam và các công ty con tại ngày 31/12/2020, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ riêng và hợp nhất của Công ty cổ phần Container Việt Nam và các công ty con cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Ý kiến của Tổ chức kiểm toán thực hiện soát xét Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất 06 tháng đầu năm 2021 của Tổ chức phát hành:

- Kết luận của kiểm toán viên:

Căn cứ trên kết quả soát xét của Tổ chức kiểm toán, Tổ chức kiểm toán không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 06 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày nêu trên phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

- Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020 do một đơn vị kiểm toán khác soát xét và báo cáo của họ được phát hành ngày 24 tháng 8 năm 2020 đã đưa ra kết luận chấp nhận toàn phần. Báo cáo tài chính hợp nhất cho Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 cũng do đơn vị kiểm toán này kiểm toán và báo cáo của họ được phát hành ngày 8 tháng 3 năm 2021 đã đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần.

4. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức

Chỉ tiêu	Năm 2021	
	Kế hoạch (tỷ đồng)	% tăng/giảm so với năm 2020
Doanh thu thuần (*)	1.700	0,65%
Lợi nhuận sau thuế	294	-0,68%
Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	17,35%	-1,0%
Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	13,36%	-4,3%
Tỷ lệ cổ tức (*)	20%	0%

Ghi chú: () Kế hoạch kinh doanh được Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 ngày 26/03/2021.*

Lợi nhuận sau thuế là số liệu ước tính dựa trên chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế theo kế hoạch được ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 thông qua ngày 26/03/2021.

❖ Căn cứ để đạt kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức nêu trên

Nhận định năm 2021 tiếp tục là một năm vẫn còn khó khăn và thách thức của Công ty khi dịch bệnh Covid 19 vẫn chưa được đẩy lùi hoàn toàn, ảnh hưởng đến hoạt động thương mại xuất nhập khẩu của Việt Nam nói chung và tại các cảng tại Hải Phòng, Đà Nẵng nói riêng, Công ty cổ phần Container Việt Nam tương đối thận trọng khi đưa ra kế hoạch kinh doanh năm 2021 với mức tăng trưởng gần như tương đương với năm 2020 (tăng trưởng

0,65% về doanh thu so với số liệu thực hiện năm 2020 và giảm 0,68 về lợi nhuận sau thuế so với lợi nhuận sau thuế thực hiện năm 2020).

Để đạt được kế hoạch kinh doanh này, Ban lãnh đạo Công ty xác định rất rõ ràng mục tiêu và chiến lược kinh doanh cho năm 2021 như sau:

- Bám sát thị trường, đảm bảo duy trì tốt các hoạt động kinh doanh chính của Công ty ổn định trên ba miền Bắc – Trung – Nam;
- Kiên định với chiến lược tiếp thị và làm thị trường giữ vững khách hàng hiện tại và tìm kiếm khách hàng mới thông qua việc cung cấp các giải pháp gói dịch vụ song song với việc cung cấp thêm dịch vụ giá trị gia tăng.
- Đầu tư mở rộng sản xuất, lựa chọn các hạng mục đầu tư, nâng cấp cơ sở hạ tầng để phát triển cho năm 2021 và các năm tiếp theo, tiếp tục chuẩn bị pháp lý cho các dự án cảng nước sâu;
- Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tính chuyên nghiệp của cán bộ công nhân viên và đội ngũ lãnh đạo quản lý. Đào tạo nguồn nhân lực cho mục tiêu và tầm nhìn dài hạn, tạo điều kiện, hỗ trợ và khuyến khích người lao động học tập nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng quản lý và tính chủ động sáng tạo;
- Luôn tiên phong ứng dụng công nghệ trong quản lý, điều hành, cung cấp dịch vụ và tiếp thị làm thị trường;
- Rà soát nhân sự, tiền lương và điều chuyển lao động hợp lý giữa các đơn vị để quản lý và sử dụng lao động hiệu quả nhất;
- Tăng cường kiểm tra giám sát các công ty con, các đơn vị thành viên.
- Quản lý tốt nguồn lực, các chi phí, triệt để tiết kiệm, đảm bảo kinh doanh có hiệu quả, tỷ lệ cổ tức đạt từ 20% đồng thời tích lũy để đầu tư mở rộng quy mô kinh doanh.

❖ **Đánh giá của Tổ chức tư vấn về kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức.**

Với tư cách là một tổ chức tư vấn tài chính, Công ty Cổ phần Chứng khoán MB đã tiến hành thu thập các thông tin, nghiên cứu, phân tích và đánh giá về hoạt động kinh doanh của Công ty cổ phần Container Việt Nam cũng như lĩnh vực kinh doanh mà Công ty đang hoạt động, chúng tôi nhận thấy hoạt động kinh doanh của Công ty cổ phần Container Việt Nam ổn định và có tiềm năng phát triển.

Nếu không có những biến động bất thường gây ảnh hưởng đến hoạt động của doanh nghiệp, thì kế hoạch lợi nhuận mà Công ty đã đề ra trong những năm tới là khả thi. Do đó, kế hoạch trả cổ tức cho cổ đông của Công ty trong năm 2021 có thể được đảm bảo thực hiện.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn chuyên nghiệp, dựa trên cơ sở những thông tin được thu thập có chọn lọc và dựa trên lý thuyết về tài chính chứng khoán mà không hàm ý bảo đảm giá trị của cổ phiếu cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Nhận xét này chỉ mang tính tham khảo với nhà đầu tư khi tự mình ra quyết định đầu tư.

VI. THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP, CỔ ĐÔNG LỚN, THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC (GIÁM ĐỐC), PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC (PHÓ GIÁM ĐỐC), KẾ TOÁN TRƯỞNG

1. Thông tin về cổ đông sáng lập

Tổ chức phát hành không có cổ đông sáng lập đang trong thời gian hạn chế chuyển nhượng.

2. Thông tin về cổ đông lớn

a) Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần tại thời điểm ngày 24/08/2021

Bảng 34: Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty

TT	Tên cổ đông	Năm thành lập/ năm sinh	Quốc tịch	Số ĐKDN/ CMND	Địa chỉ	Số cổ phần nắm giữ, tỷ lệ sở hữu/VĐL tại thời điểm trở thành cổ đông lớn (cổ phần)	Số cổ phần nắm giữ, tỷ lệ sở hữu/VĐL tại thời điểm hiện tại (cổ phần)	Dự kiến số cổ phần nắm giữ, Tỷ lệ sở hữu /VĐL sau chào bán
1.	Công ty cổ phần Thành Đức Hải Phòng (Người đại diện theo pháp luật: Nguyễn Đức Dũng – chức vụ: Giám đốc; vốn điều lệ: 900.000.000.000 đồng)	2014	Việt Nam	0201581234	Số 226 Lê Lai, Phường Máy Chai, Quận Ngô Quyền, tp Hải Phòng	2.855.000 (5,18%)	2.855.000 (5,18%)	5.710.000 (5,18%)
2.	Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải SAFI (Đại diện theo PL và Đại diện theo ủy quyền tại công ty là ông Nguyễn Hoàng Anh- Tổng Giám Đốc; vốn điều lệ 157.530.690.000 đồng)	1998	Việt Nam	0301471330	209 Nguyễn Văn Thủ, Phường Đa Kao, Quận 1, TPHCM	2.506.688 (5%)	5.290.000 (9,60%)	10.580.000 (9,60%)
3.	CTCP Đầu tư Sao Á D.C (Đại diện theo PL là ông Trần Vũ Quang. Đại diện theo ủy quyền tại công ty là ông Trần Tiến Dũng, vốn điều lệ: 150 tỷ đồng)	2017	Việt Nam	0201147203	Lô đất KB 2.3 và KB 3.3, Khu công nghiệp MP Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành Phố Hải Phòng	2.760.000 (5,007%)	4.160.000 (7,55%)	8.320.000 (7,55%)
4.	Tạ Kim Chi	1982	Việt Nam	031182011339	Số 90 Trần Nhật Duật, Cầu Đất, Ngô Quyền, Hải Phòng	3.804.434 (6,90%)	3.804.434 (6,90%)	7.608.868 (6,90%)
5.	Đoàn Quang Huy	1994	Việt Nam	031796798	Số 58/11 Hùng Duệ	3.113.380 (5,65%)	3.113.380 (5,65%)	6.226.760 (5,65%)

TT	Tên cổ đông	Năm thành lập/năm sinh	Quốc tịch	Số ĐKDN/CMND	Địa chỉ	Số cổ phần nắm giữ, tỷ lệ sở hữu/VĐL tại thời điểm trở thành cổ đông lớn (cổ phần)	Số cổ phần nắm giữ, tỷ lệ sở hữu/VĐL tại thời điểm hiện tại (cổ phần)	Dự kiến số cổ phần nắm giữ, Tỷ lệ sở hữu /VĐL sau chào bán
					Vương, P. Thượng Lý, Q. Hồng Bàng, TP Hải Phòng			
6.	Đoàn Thị Tơ	1958	Việt Nam	030013658	Số 8 Khu Paris 01 - ô Số 8 lô 03-22, Khu đô thị Vinhomes, P. Thượng Lý, Q. Hồng Bàng, TP. Hải Phòng	2.798.333 (5,07%)	3.898.333 (7,07%)	7.796.666 (7,07%)
7	Công ty cổ phần tập đoàn T&D Group (Người đại diện theo pháp luật: Đoàn Thị Tơ – chức vụ: Tổng giám đốc; vốn điều lệ: 900.000.000.000 đồng)	2020	Việt Nam	0202049199	142-144-146 Lương Khánh Thiện, phường Cầu Đất, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng	2.855.000 (5,18%)	2.855.000 (5,18%)	5.710.000 (5,18%)
	Tổng cộng						25.976.147 (47,12%)	51.952.294 (47,12%)

Nguồn: Danh sách cổ đông chốt tại ngày 24/08/2021 của Công ty

Bảng 35: Danh sách người có liên quan của cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần

TT	Tên người có liên quan	Cổ đông lớn có liên quan	Mối quan hệ với cổ đông lớn	Số ĐKDN/CMND	Địa chỉ	Số cổ phần nắm giữ, Tỷ lệ sở hữu /VĐL *	Dự kiến số cổ phần nắm giữ, Tỷ lệ sở hữu /VĐL sau chào bán *
1.	Trần Tiến Dũng	Công ty cổ phần đầu tư Sao Á D.C	Chủ tịch HĐQT	022075001353	B28, Sao Đỏ, Anh Dũng, Dương Kinh, Hải Phòng	0 cổ phần (0%)	0 cổ phần (0%)
2.	Tạ Kim Chi	Đoàn Thị Tơ	Con dâu	031182011339	90 Trần Nhật Duật, Cầu Đất, Ngô Quyền, Hải Phòng	3.804.434 cổ phần (6,9%)	7.608.868 cổ phần (6,9%)
3.	Nguyễn Thị Thanh Thúy	Đoàn Quang Huy	Mẹ ruột	030694155	58/11 Hùng Duệ Vương, p Thượng Lý, Hồng Bàng, Hải phòng	1.823.230 cổ phần (3,31%)	3.646.460 cổ phần (3,31%)

TT	Tên người có liên quan	Cổ đông lớn có liên quan	Mối quan hệ với cổ đông lớn	Số ĐKDN/CMND	Địa chỉ	Số cổ phần nắm giữ, Tỷ lệ sở hữu /VĐL *	Dự kiến số cổ phần nắm giữ, Tỷ lệ sở hữu /VĐL sau chào bán *
4.	Nguyễn Hoàng Anh	Công ty cổ phần Đại lý vận tải Safi	Tổng giám đốc	023451441	1 nam Thông 1C, P.Tân Phú, Q 7, Tp Hồ Chí Minh	0 cổ phần (0%)	0 cổ phần (0%)

- Đối với cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của Tổ chức phát hành và những người có liên quan của họ: không có các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành với các đối tượng này.

Các cổ đông lớn và người có liên quan của VSC không có lợi ích liên quan đối với VSC.

- Các cổ đông lớn và người có liên quan của VSC không có lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với VSC hoặc là Khách hàng/Nhà cung cấp lớn của VSC.

3. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, Giám đốc kỹ thuật, Kế toán trưởng

Danh sách thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát và Giám đốc tài chính

Bảng 36: Danh sách thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát và Giám đốc tài chính tại thời điểm hiện tại

STT	Họ và tên	Chức danh
I	Hội đồng quản trị	
1	Nguyễn Việt Hòa	Chủ tịch Hội đồng quản trị
2	Nguyễn Việt Trung	Thành viên Hội đồng quản trị
3	Nguyễn Thế Duy	Thành viên Hội đồng quản trị
4	Nguyễn Hoàng Anh	Thành viên Hội đồng quản trị
5	Dương Tiến Dũng	Thành viên Hội đồng quản trị
6	Văn Trần Hoàn	Thành viên Hội đồng quản trị
7	Tạ Công Thông	Thành viên Hội đồng quản trị
II	Ban kiểm soát	
1	Nguyễn Thị Kim Nhã	Trưởng Ban kiểm soát
2	Nguyễn Thị Minh Lan	Thành viên Ban kiểm soát
3	Nghiêm Thị Thùy Dương	Thành viên Ban kiểm soát
	Ban Tổng Giám đốc	
1	Bùi Minh Hưng	Tổng Giám đốc
2	Nguyễn Thế Trọng	Giám đốc kỹ thuật
3	Dương Tiến Dũng	Giám đốc tài chính
III	Kế toán trưởng	
1	Lê Thế Trung	Kế toán trưởng

Nguồn: VSC

Sơ yếu lý lịch

❖ Ông Nguyễn Việt Hòa - Chủ tịch Hội đồng quản trị

Họ và tên : Nguyễn Việt Hòa
Giới tính : Nam
Năm sinh : 1956
Quốc tịch : Việt Nam
Quê quán : thị xã Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình.
Trình độ văn hóa : 10/10
Trình độ chuyên môn : Kỹ sư máy xếp dỡ

Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ
1978-1983	Cán bộ giảng dạy tại trường Đại Học Giao Thông Thủy Hải Phòng
1983-1984	Cán bộ điều độ Công ty cổ phần Container Việt Nam
1984-1985	Phó phòng khai thác đại lý đường biển I
1985-1993	Trưởng phòng điều độ, đội trưởng đội xe, xưởng trưởng, trưởng đại diện CTCP Container Việt Nam tại Hà Nội
1993-1997	Phó giám đốc CTCP Container Việt Nam
1997-2001	Giám đốc Công ty CP Container Việt Nam
2002-nay	Chủ tịch HĐQT CTCP Container Việt Nam
2014- nay	Thành viên HĐQT Công ty CP Logistics Cảng Đà Nẵng

Chức vụ hiện tại: Chủ tịch Hội đồng quản trị - Công ty CP Container Việt Nam

Chức vụ tại các tổ chức khác: Thành viên HĐQT Công ty CP Logistics Cảng Đà Nẵng.

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với công ty: Không

Số lượng cổ phần nắm giữ: 844.466 cổ phần (tương ứng với 1,53% vốn điều lệ).

Trong đó:

- Sở hữu cá nhân: 844.466 cổ phần (tương ứng với 1,53 % vốn điều lệ).
- Được ủy quyền đại diện: 0 cổ phần (tương ứng với 0 % vốn điều lệ).

Số lượng cổ phần do những người liên quan nắm giữ: Không có.

Thông tin về những người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức phát hành: Không có.

Lợi ích liên quan đối với Tổ Chức Phát Hành

- Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành, công ty con của Tổ chức phát hành, công ty do Tổ

chức phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của họ : không có

- Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (tiền thưởng, cổ phiếu được nhân theo chương trình lựa chọn cho người lao động (số lượng, giá) ...) trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm 30/06/2021:
 - ✓ 2019: 1.327.160.594 đồng
 - ✓ 2020: 1.272.828.532 đồng
 - ✓ 01/2021 – 30/06/2021: 983.166.710 đồng.
- Các khoản nợ đối với Tổ chức phát hành: Không có.
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành:
 - ✓ Tên của doanh nghiệp: Công ty CP Logistics Cảng Đà Nẵng.
 - ✓ Hoạt động chính của doanh nghiệp: Dịch vụ cảng biển.
 - ✓ Môi quan hệ của đối tượng này và những người có liên quan của họ với doanh nghiệp: Ông Nguyễn Việt Hòa là thành viên HĐQT Công ty CP Logistics Cảng Đà Nẵng.
 - ✓ Phương án kiểm soát xung đột lợi ích: Không có.

❖ **Ông Nguyễn Việt Trung – Thành viên Hội đồng quản trị**

Họ và tên : Nguyễn Việt Trung
Giới tính : Nam
Năm sinh : 20/03/1976
Quốc tịch : Việt Nam
Quê quán : Mộc Xá – Thanh Oai – Hà Tây (nay là Hà Nội)
Trình độ văn hóa : 12/12
Trình độ chuyên môn : Kinh tế vận tải biển

Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ
06/2000-05/2002	Nhân viên khai thác, công ty TNHH Vận tải hàng công nghệ cao (Transvina HP).
06/2002-10/2002	Nhân viên công ty XNK Vật tư đường biển – chi nhánh Vũng Tàu
12/2002 – 06/2004	Nhân viên khai thác công ty CP Hàng hải Hà Nội – chi nhánh Hải Phòng
07/2004 - 09/2009	Trưởng phòng khai thác XN cảng Viconship (Công ty CP Container Việt Nam)
10/2009 - 09/2011	Giám đốc chi nhánh công ty CP Vận tải dầu khí Việt Nam tại Hải Phòng

Thời gian	Chức vụ
09/2011 - 11/2014	Phó giám đốc; Giám đốc XN cảng Viconship (Công ty CP Container Việt Nam)
11/2014 đến nay	Giám đốc công ty TNHH MTV VTB Ngôi Sao Xanh.
2017 đến nay	Thành viên HĐQT Công ty CP Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh
2017 đến nay	Thành viên HĐQT Công ty CP Cảng Xanh VIP
2014 đến nay	Giám đốc Công ty TNHH MTV Vận tải biển Ngôi Sao Xanh
2017 đến nay	Thành viên HĐQT Công ty CP Container Miền Trung

Chức vụ hiện tại: Thành viên Hội đồng quản trị

Chức vụ tại các tổ chức khác:

- Thành viên HĐQT Công ty CP Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh
- Thành viên HĐQT Công ty CP Cảng Xanh VIP
- Giám đốc Công ty TNHH MTV Vận tải biển Ngôi Sao Xanh
- Thành viên HĐQT Công ty CP Container Miền Trung

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với công ty: Không

Số lượng cổ phần nắm giữ: 4.599 cổ phần (tương ứng với 0,01% vốn điều lệ).

Trong đó:

- Sở hữu cá nhân: 4.599 cổ phần (tương ứng với 0,01 % vốn điều lệ).
- Được ủy quyền đại diện: 0 cổ phần (tương ứng với 0 % vốn điều lệ).

Số lượng cổ phần do những người liên quan nắm giữ: Không có

Thông tin về những người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức phát hành: Không có.

Lợi ích liên quan đối với Tổ Chức Phát Hành

- Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành, công ty con của Tổ chức phát hành, công ty do Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của họ : Không có
- Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (tiền thưởng, cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động (số lượng, giá) ...) trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm 30/06/2021:
 - ✓ 2019: 220.000.000 đồng
 - ✓ 2020: 185.000.000 đồng
 - ✓ 01/2021- 30/06/2021: 200.000.000 đồng
- Các khoản nợ đối với Tổ chức phát hành: Không có.

- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành:
 - Tên của doanh nghiệp: Công ty CP Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh
 - ✓ Hoạt động chính của doanh nghiệp: Dịch vụ kho bãi
 - ✓ Mọi quan hệ của đối tượng này và những người có liên quan của họ với doanh nghiệp: Ông Nguyễn Việt Trung là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty cổ phần Đầu Tư Dịch Vụ và Phát Triển Xanh.
 - ✓ Phương án kiểm soát xung đột lợi ích: Không có.
 - Tên của doanh nghiệp: Công ty CP Cảng Xanh VIP
 - ✓ Hoạt động chính của doanh nghiệp: Dịch vụ cảng biển.
 - ✓ Mọi quan hệ của đối tượng này và những người có liên quan của họ với doanh nghiệp: Ông Nguyễn Việt Trung là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty cổ phần Cảng Xanh Vip.
 - ✓ Phương án kiểm soát xung đột lợi ích: Không có.
 - Tên của doanh nghiệp: Công ty TNHH MTV Vận tải biển Ngôi Sao Xanh
 - ✓ Hoạt động chính của doanh nghiệp: Dịch vụ vận tải.
 - ✓ Mọi quan hệ của đối tượng này và những người có liên quan của họ với doanh nghiệp: Ông Nguyễn Việt Trung là Giám đốc của Công ty TNHH MTV Vận tải biển Ngôi Sao Xanh.
 - ✓ Phương án kiểm soát xung đột lợi ích: Không có.

❖ **Ông Nguyễn Thế Duy – Thành viên Hội đồng quản trị**

Họ và tên : Nguyễn Thế Duy
Giới tính : Nam
Năm sinh : 25/10/1987
Quốc tịch : Việt Nam
Quê quán : Phú yên
Trình độ văn hóa : 12/12
Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế - Tài chính Ngân hàng
Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ
2009-2012	Chuyên viên tín dụng – Ngân hàng Indovina
2012-2014	Chuyên viên thẩm định – Ngân hàng Shinhan Việt Nam
2014-2014	Chuyên viên tín dụng – Ngân hàng Sumitomo – HCM
2014-2016	Chuyên viên phân tích – Công ty chứng khoán VPBS
2016- nay	Chuyên viên đầu tư cao cấp – CTCP TIM Việt Nam
2020- nay	Thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Container Việt Nam

Chức vụ hiện tại: Thành viên Hội đồng quản trị
Chức vụ tại các tổ chức khác: Công tác tại Công Ty Cổ Phần TIM Việt Nam

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với công ty: Không

Số lượng cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần (tương ứng với 0% vốn điều lệ).

Trong đó:

- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần (tương ứng với 0% vốn điều lệ).
- Được ủy quyền đại diện: 0 cổ phần (tương ứng với 0 % vốn điều lệ).

Số lượng cổ phần do những người liên quan nắm giữ: Không có.

Thông tin về những người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức phát hành: Không có.

Lợi ích liên quan đối với Tổ Chức Phát Hành

- Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành, công ty con của Tổ chức phát hành, công ty do Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của họ : Không;
- Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (tiền thưởng, cổ phiếu được nhân theo chương trình lựa chọn cho người lao động (số lượng, giá) ...) trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hết 30/06/2021:
 - ✓ 2019: 0 đồng
 - ✓ 2020: 0 đồng
 - ✓ 01/2021-30/06/2021: 200.000.000 đồng
- Các khoản nợ đối với Tổ chức phát hành: Không có.
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành: không có

❖ **Ông Nguyễn Hoàng Anh – Thành viên Hội đồng quản trị**

Họ và tên : Nguyễn Hoàng Anh

Giới tính : Nam

Năm sinh : 19/04/1969

Quốc tịch : Việt Nam

Quê quán : Hải Phòng

Trình độ văn hóa : 12/12

Trình độ chuyên môn : QTKD Ngoại thương & Cơ giới hóa công tác vận tải nặng

Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ
1994-1998	Nhân viên- Công ty cổ phần Đại lý Vận tải Safi
1998-2012	Phó Tổng Giám đốc – Công ty Cosco Shipping Lines Việt Nam
2012-2016	Chủ tịch HĐQT – Công ty cổ phần Đại lý vận tải Safi
2016- nay	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc – Công ty cổ phần Đại lý

Thời gian	Chức vụ
	Vận tải Safi
2017- nay	Thành viên HĐQT Công ty CP SITC Việt Nam
2020- nay	Thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Container Việt Nam

Chức vụ hiện tại: Thành viên Hội đồng quản trị

Chức vụ tại các tổ chức khác:

- Chủ tịch HĐQT Công ty CP Đại lý vận tải Safi
- Thành viên HĐQT Công ty SITC Việt Nam

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với công ty: Không

Số lượng cổ phần nắm giữ: 5.290.000 cổ phần (tương ứng với 9,60% vốn điều lệ).

Trong đó:

- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần (tương ứng với 0% vốn điều lệ).
- Được ủy quyền đại diện cho Công ty CP Đại Lý Vận Tải Safi: 5.290.000 cổ phần (tương ứng với 9,60 % vốn điều lệ).

Số lượng cổ phần do những người liên quan nắm giữ: Không có.

Thông tin về những người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức phát hành: Không có.

Lợi ích liên quan đối với Tổ Chức Phát Hành

- Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành, công ty con của Tổ chức phát hành, công ty do Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của họ : Không
- Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (tiền thưởng, cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động (số lượng, giá) ...) trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm 30/06/2021:
 - ✓ 2019: 0 đồng
 - ✓ 2020: 0 đồng
 - ✓ 01/2021-30/06/2021: 200.000.000 đồng
- Các khoản nợ đối với Tổ chức phát hành: Không có.
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành:
 - **Tên của doanh nghiệp: Công ty CP SITC Việt Nam**
 - ✓ Hoạt động chính của doanh nghiệp: Dịch vụ cảng biển
 - ✓ Mối quan hệ của đối tượng này và những người có liên quan của họ với doanh nghiệp: Ông Nguyễn Hoàng Anh là thành viên Hội Đồng Quản Trị của Công ty cổ phần SITC Việt Nam.
 - ✓ Phương án kiểm soát xung đột lợi ích: Không có
 - **Tên của doanh nghiệp: Công ty CP Đại lý vận tải Safi**
 - ✓ Hoạt động chính của doanh nghiệp: Dịch vụ Vận tải

- ✓ Mọi quan hệ của đối tượng này và những người có liên quan của họ với doanh nghiệp: Ông Nguyễn Hoàng Anh là Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc của Công ty cổ phần Đại lý Vận tải Safi.
- ✓ Phương án kiểm soát xung đột lợi ích: Không có

❖ **Ông Dương Tiến Dũng - Thành viên Hội đồng quản trị**

Họ và tên : Dương Tiến Dũng
Giới tính : Nam
Năm sinh : 06/09/1977
Quốc tịch : Việt Nam
Quê quán : Hải Phòng
Trình độ văn hóa : 12/12
Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế
Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ
Trước 2010	Giám đốc bán hàng khu vực Đông Bắc tập đoàn Bia và nước giải khát Châu Á Thái Bình Dương
2010-2017	Kế toán VICMAC (Trường ĐH Hàng Hải)
2017-2020	Giám đốc QHKK – Ngân hàng HD Bank
2020 – nay	Giám đốc tài chính – Công ty Cổ phần Thành Đức Hải Phòng
Tháng 3/2021 – nay	Thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Container Việt Nam

Chức vụ hiện tại: Thành viên Hội đồng quản trị

Chức vụ tại các tổ chức khác: Giám đốc tài chính - Công ty CP Thành Đức Hải Phòng.

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với công ty: Không

Số lượng cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần (tương ứng với 0 vốn điều lệ).

Trong đó:

- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần (tương ứng với 0% vốn điều lệ).
- Được ủy quyền đại diện: 0 cổ phần (tương ứng với 0 % vốn điều lệ).

Số lượng cổ phần do những người liên quan nắm giữ: Không có.

Thông tin về những người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức phát hành: Không có

Lợi ích liên quan đối với Tổ Chức Phát Hành

- Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành, công ty con của Tổ chức phát hành, công ty do Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị những người có liên quan của họ : Không có
- Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (tiền thưởng, cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động (số lượng, giá) ...) trong 02 năm liên tục

liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm 30/06/2021: Không có do mới được bổ nhiệm từ 26/03/2021.

- Các khoản nợ đối với Tổ chức phát hành: Không có.
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành: Không có.

❖ **Ông Văn Trần Hoàn – Thành viên Hội đồng quản trị**

Họ và tên : Văn Trần Hoàn

Giới tính : Nam

Năm sinh : 10/07/1969

Quốc tịch : Việt Nam

Trình độ văn hóa : 12/12

Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ
11/2003- nay	Chủ tịch HĐQT – Giám đốc công ty cổ phần Sông Hồng
Tháng 3/2021 - nay	Thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Container Việt Nam

Chức vụ hiện tại: Thành viên Hội đồng quản trị

Chức vụ tại các tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT – Giám đốc công ty cổ phần Sông Hồng.

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với công ty: Không

Số lượng cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần (tương ứng với 0% vốn điều lệ).

Trong đó:

- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần (tương ứng với 0% vốn điều lệ).
- Được ủy quyền đại diện: 0 cổ phần (tương ứng với 0 % vốn điều lệ).

Số lượng cổ phần do những người liên quan nắm giữ: Không có.

Thông tin về những người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức phát hành: Không có.

Lợi ích liên quan đối với Tổ Chức Phát Hành

- Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành, công ty con của Tổ chức phát hành, công ty do Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của họ : Không có
- Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (tiền thưởng, cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động (số lượng, giá) ...) trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm 30/06/2021: Không có do mới được bổ nhiệm từ 26/03/2021.
- Các khoản nợ đối với Tổ chức phát hành: Không có.

- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành: Không có.

❖ **Ông Tạ Công Thông – Thành viên Hội đồng quản trị**

Họ và tên : Tạ Công Thông
Giới tính : Nam
Năm sinh : 27/09/1985
Quốc tịch : Việt Nam
Quê quán : Hải Phòng
Trình độ văn hóa : 12/12
Trình độ chuyên môn : Kinh doanh quốc tế

Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ
2007-2008	Công ty cổ phần vận tải & thuê tàu Vietfracht
2008- đến 2021	Công ty TNHH Heung – A Shipping
06/2021-nay	Phó Giám đốc công ty cổ phần Cảng Xanh VIP
2020 - nay	Thành viên Hội đồng Quản Trị Công ty cổ phần Container Việt Nam

Chức vụ hiện tại: Thành viên Hội đồng quản trị

Chức vụ tại các tổ chức khác: Phó Giám đốc Công ty cổ phần Cảng Xanh Vip.

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với công ty: Không

Số lượng cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần (tương ứng với 0% vốn điều lệ).

Trong đó:

- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần (tương ứng với 0 % vốn điều lệ).
- Được ủy quyền đại diện: 0 cổ phần (tương ứng với 0% vốn điều lệ).

Số lượng cổ phần do những người liên quan nắm giữ: Không có.

Thông tin về những người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức phát hành: Không có.

Lợi ích liên quan đối với Tổ Chức Phát Hành

- Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành, công ty con của Tổ chức phát hành, công ty do Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của họ: Không có
- Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (tiền thưởng, cổ phiếu được nhân theo chương trình lựa chọn cho người lao động (số lượng, giá) ...) trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm 30/06/2021: Không có do mới được bổ nhiệm từ 26/03/2021.
- Các khoản nợ đối với Tổ chức phát hành: Không có.

- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành: Không có.

❖ **Bà Nguyễn Thị Kim Nhã – Trưởng Ban Kiểm Soát**

Họ và tên : Nguyễn Thị Kim Nhã
Giới tính : Nữ
Năm sinh : 09/04/1964
Quốc tịch : Việt Nam
Quê quán : Bắc Ninh
Trình độ văn hóa : 12/12
Trình độ chuyên môn : Kỹ sư kinh tế vận tải Sông

Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ
10/03/1998-10/1998	Phó phòng Tài Chính Tiền Lương Viconship
27/10/1998-08/2000	Trưởng phòng Tài chính Tổng hợp GSL
09/08/2000 - 2020	Kế toán trưởng Công ty TNHH MTV Vận Tải Biển Ngôi Sao Xanh
4/2020 - nay	Trưởng ban kiểm soát Công ty cổ phần Container Việt Nam

Chức vụ hiện tại: Trưởng Ban Kiểm Soát

Chức vụ tại các tổ chức khác: Không có

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với công ty: Không

Số lượng cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần (tương ứng với 0% vốn điều lệ).

Trong đó:

- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần (tương ứng với 0% vốn điều lệ).
- Được ủy quyền đại diện: 0 cổ phần (tương ứng với 0% vốn điều lệ).

Số lượng cổ phần do những người liên quan nắm giữ: Không có.

Thông tin về những người có liên quan của Kiểm soát viên đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức phát hành: Không có.

Lợi ích liên quan đối với Tổ Chức Phát Hành

- Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành, công ty con của Tổ chức phát hành, công ty do Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với Kiểm soát viên và những người có liên quan của họ: Không;
- Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (tiền thưởng, cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động (số lượng, giá) ...) trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm 30/06/2021:

- ✓ 2019: 160.000.000 đồng
- ✓ 2020: 301.774.996 đồng
- ✓ 01/2021- 30/06/2021 333.072.664 đồng
- Các khoản nợ đối với Tổ chức phát hành: Không có.
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành: Không có.

❖ **Bà Nguyễn Thị Minh Lan – Thành viên Ban Kiểm Soát**

Họ và tên : Nguyễn Thị Minh Lan
Giới tính : Nữ
Năm sinh : 01/07/1975
Quốc tịch : Việt Nam
Quê quán : Hải Phòng
Trình độ văn hóa : 12/12
Trình độ chuyên môn : Kỹ sư kinh tế vận tải biển

Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ
09/1997-08/2012	Nhân viên – Công ty cổ phần Container Việt Nam
09/2012-06/2017	Kế toán trưởng – Công ty TNHH MTV Bến Xanh
2015- nay	Thành viên BKS – Công ty cổ phần Container Việt Nam
07/2017- nay	Kế toán trưởng – Công ty CP Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh

Chức vụ hiện tại: Thành viên Ban Kiểm Soát

Chức vụ tại các tổ chức khác: Kế toán trưởng Công ty cổ phần Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với công ty: Không

Số lượng cổ phần nắm giữ: 4.791 cổ phần (tương ứng với 0,01% vốn điều lệ).

Trong đó:

- Sở hữu cá nhân: 4.791 cổ phần (tương ứng với 0,01 % vốn điều lệ).
- Được ủy quyền đại diện: 0 cổ phần (tương ứng với 0 % vốn điều lệ).

Số lượng cổ phần do những người liên quan nắm giữ: Không có.

Thông tin về những người có liên quan của Kiểm soát viên đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức phát hành: Không có.

Lợi ích liên quan đối với Tổ Chức Phát Hành

- Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành, công ty con của Tổ chức phát hành, công ty do Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với Kiểm soát viên và những người có liên quan của họ: Không;

- Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (tiền thưởng, cổ phiếu được nhân theo chương trình lựa chọn cho người lao động (số lượng, giá) ...) trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm 30/06/2021:
 - ✓ 2019: 140.000.000 đồng
 - ✓ 2020: 130.000.000 đồng
 - ✓ Từ tháng 01/2021- đến 30/06/2021: 100.000.000 đồng
- Các khoản nợ đối với Tổ chức phát hành: Không có.
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành:
- **Tên của doanh nghiệp: Công ty CP Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh**
 - ✓ Hoạt động chính của doanh nghiệp: Kho bãi
 - ✓ Mối quan hệ của đối tượng này và những người có liên quan của họ với doanh nghiệp: Bà Nguyễn Thị Minh Lan là kế toán trưởng Công ty CP Đầu Tư Dịch Vụ và Phát Triển Xanh.
 - ✓ Phương án kiểm soát xung đột lợi ích: Không có.

❖ **Bà Nghiêm Thị Thùy Dương – Thành viên Ban Kiểm Soát**

Họ và tên : Nghiêm Thị Thùy Dương
Giới tính : Nữ
Năm sinh : 30/11/1987
Quốc tịch : Việt Nam
Quê quán : Hải Phòng
Trình độ văn hóa : 12/12
Trình độ chuyên môn : Cử nhân Đại học Hàng Hải

Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ
2009-2015	Nhân viên kế toán – Chi nhánh công ty cổ phần Container Việt Nam – Xí nghiệp Cảng Viconship
2015-2020	Nhân viên kế toán – Công ty cổ phần Cảng Xanh VIP
03/2020-03/2021	Phó Phòng Tài chính – Tổng hợp – Công ty cổ phần Cảng Xanh VIP
2020- nay	Thành viên BKS Công ty cổ phần Container Việt Nam
03-2021 - nay	Trưởng phòng Tài chính – Tổng hợp – Công ty cổ phần Cảng Xanh VIP

Chức vụ hiện tại: Thành viên Ban Kiểm Soát

Chức vụ tại các tổ chức khác:

Thành viên BKS Công ty CP Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh

Trưởng phòng tài chính – tổng hợp, Kế toán trưởng Công ty cổ phần Cảng xanh VIP

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với công ty: Không

Số lượng cổ phần nắm giữ: 19.098 cổ phần (tương ứng với 0,03% vốn điều lệ).

Trong đó:

- Sở hữu cá nhân: 19.098 cổ phần (tương ứng với 0,03% vốn điều lệ).
- Được ủy quyền đại diện: 0 cổ phần (tương ứng với 0% vốn điều lệ).

Số lượng cổ phần do những người liên quan nắm giữ: Không có.

Thông tin về những người có liên quan của Kiểm soát viên đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức phát hành: Không có.

Lợi ích liên quan đối với Tổ Chức Phát Hành

- Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành, công ty con của Tổ chức phát hành, công ty do Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với Kiểm soát viên và những người có liên quan của họ : Không có
- Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (tiền thưởng, cổ phiếu được nhân theo chương trình lựa chọn cho người lao động (số lượng, giá) ...) trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm 30/06/2021:
 - ✓ 2019: 0 đồng
 - ✓ 2020: 0 đồng
 - ✓ 01/2021-30/06/2021: 100.000.000 đồng
- Các khoản nợ đối với Tổ chức phát hành: Không có.
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành: Không có.

❖ Ông Bùi Minh Hưng – Tổng giám đốc

Họ và tên : Bùi Minh Hưng
Giới tính : Nam
Năm sinh : 21/09/1977
Quốc tịch : Việt Nam
Quê quán : Thanh Luận, Sơn Động, Bắc Giang
Trình độ văn hóa : 12/12
Trình độ chuyên môn : Kỹ sư kinh tế vận tải biển

Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ
2000-2004	Nhân viên ngân hàng VID Public chi nhánh Hải Phòng
2004-2007	Nhân viên công ty đại lý hàng hải chi nhánh Quảng Ninh
2009-2010	Phó Giám đốc chi nhánh- Viconship Quảng Ninh
2010-2019	Xí nghiệp cảng Viconship Hải Phòng
2019-2021	Giám đốc Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cảng Xanh
T9/2021- nay	Tổng giám đốc Công ty cổ phần Container Việt Nam

Chức vụ hiện tại: Tổng giám đốc Công ty cổ phần Container Việt Nam

Chức vụ tại các tổ chức khác:

- Chủ tịch kiêm người đại diện theo pháp luật Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cảng Xanh

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với công ty: Không

Số lượng cổ phần nắm giữ: 6.799 cổ phần (tương ứng với 0,01% vốn điều lệ).

Trong đó:

- Sở hữu cá nhân: 6.799 cổ phần (tương ứng với 0,01 % vốn điều lệ).
- Được ủy quyền đại diện: 0 cổ phần (tương ứng với 0 % vốn điều lệ).

Số lượng cổ phần do những người liên quan nắm giữ: Không có

Thông tin về những người có liên quan của Tổng giám đốc đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức phát hành: Không có.

Lợi ích liên quan đối với Tổ Chức Phát Hành

- Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành, công ty con của Tổ chức phát hành, công ty do Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với Tổng giám đốc và những người có liên quan của họ : Không có
- Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (tiền thưởng, cổ phiếu được nhân theo chương trình lựa chọn cho người lao động (số lượng, giá) ...) trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm 30/06/2021:
- Các khoản nợ đối với Tổ chức phát hành: Không có.
- Trường hợp Tổng giám đốc có lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành: Không có.

❖ Ông Nguyễn Thế Trọng – Giám đốc kỹ thuật

Họ và tên : Nguyễn Thế Trọng
Giới tính : Nam
Năm sinh : 01/11/1978
Quốc tịch : Việt Nam
Quê quán : Hải Phòng
Trình độ văn hóa : 12/12
Trình độ chuyên môn : Kỹ sư máy xếp dỡ, cử nhân quản trị doanh nghiệp
Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ
02/2012-03/2015	Phó Tổng giám đốc – Công ty cổ phần Container Việt Nam
03/2015- nay	Giám đốc kỹ thuật – Công ty cổ phần Container Việt Nam
03/2015- nay	Ủy viên HĐQT – Công ty cổ phần Container Việt Nam
01-2017-06/2017	Ủy viên HĐQT, Giám đốc – Công ty cổ phần Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh
07/2017-04/2018	Ủy viên HĐQT – Công ty cổ phần Đầu tư Dịch vụ và Phát triển xanh
05/2018-nay	Chủ tịch HĐQT – Công ty cổ phần Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh

Chức vụ hiện tại: Giám đốc Kỹ thuật Công ty cổ phần Container Việt Nam.

Chức vụ tại các tổ chức khác:

1./ Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh.

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với công ty: Không
Số lượng cổ phần nắm giữ: 12.024 cổ phần (tương ứng với 0,02% vốn điều lệ).

Trong đó:

- Sở hữu cá nhân: 12.024 cổ phần (tương ứng với 0,02 % vốn điều lệ).
- Được ủy quyền đại diện: 0 cổ phần (tương ứng với 0 % vốn điều lệ).

Số lượng cổ phần do những người liên quan nắm giữ: Không có.

Thông tin về những người có liên quan của Giám đốc kỹ thuật đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức phát hành: Không có.

Lợi ích liên quan đối với Tổ Chức Phát Hành

- Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành, công ty con của Tổ chức phát hành, công ty do Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với Giám đốc kỹ thuật và những người có liên quan của họ : Không;
- Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (tiền thưởng, cổ phiếu được nhân theo chương trình lựa chọn cho người lao động (số lượng, giá) ...) trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm 30/06/2021:
 - ✓ 2019: 1.259.230.672 đồng
 - ✓ 2020: 1.196.689.632 đồng
 - ✓ Từ tháng 01/2021 đến 30/06/2021: 1.032.424.605 đồng
- Các khoản nợ đối với Tổ chức phát hành: Không có.
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành: Không có.

❖ Ông Lê Thế Trung – Kế toán trưởng

Họ và tên : Lê Thế Trung
Giới tính : Nam
Năm sinh : 10/07/1975
Quốc tịch : Việt Nam
Quê quán : Thừa Thiên Huế
Trình độ văn hóa : 12/12
Trình độ chuyên môn : Kỹ sư kinh tế vận tải biển

Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ
10/1998 – 12/2006	Nhân viên Phòng Tài chính kế toán
1/2007 – 10/2014	Phó trưởng phòng Tài chính kế toán
11/2014 – 10/2015	Phó trưởng phòng Tài chính kế toán Công ty CP Container Việt Nam kiêm Kế toán trưởng Công ty CP Cảng Xanh VIP
11/2015 – 6/2020	Trưởng phòng Tài chính tổng hợp Xí nghiệp Cảng Viconship
7/2020 – nay	Kế toán trưởng Công ty CP Container Việt Nam
2018 – nay	Thành viên Hội đồng quản trị Công ty CP Container Miền Trung

Chức vụ hiện tại: Kế toán trưởng Công ty CP Container Việt Nam

Chức vụ tại các tổ chức khác: Thành viên Hội đồng quản trị Công ty CP Container Miền Trung.

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với công ty: Không

Số lượng cổ phần nắm giữ: 25.532 cổ phần (tương ứng với 0,05% vốn điều lệ).

Trong đó:

- Sở hữu cá nhân: 25.532 cổ phần (tương ứng với 0,05 % vốn điều lệ).
- Được ủy quyền đại diện: 0 cổ phần (tương ứng với 0 % vốn điều lệ).

Số lượng cổ phần do những người liên quan nắm giữ: Không có.

Thông tin về những người có liên quan của Kế toán trưởng đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức phát hành: Không có.

Lợi ích liên quan đối với Tổ Chức Phát Hành

- Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành, công ty con của Tổ chức phát hành, công ty do Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với Kế toán trưởng và những người có liên quan của họ : Không;
- Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (tiền thưởng, cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động (số lượng, giá) ...) trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm 30/06/2021:
 - ✓ 2019: 140.000.000 đồng
 - ✓ 2020: 393.730.554 đồng
 - ✓ Từ tháng 01/2021- đến 30/06/2021: 939.521.613 đồng
- Các khoản nợ đối với Tổ chức phát hành: Không có.
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành: Không có.

VII. THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN

1. Loại cổ phiếu

Cổ phiếu phổ thông

2. Mệnh giá cổ phiếu

10.000 đồng/cổ phiếu

3. Tổng số lượng cổ phiếu chào bán: 55.122.798 cổ phiếu

4. Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá

551.227.980.000 đồng (Năm trăm năm mươi một tỷ, hai trăm hai mươi bảy triệu, chín trăm tám mươi nghìn đồng).

5. Giá chào bán dự kiến 10.000 đồng/cổ phiếu.

6. Phương pháp tính giá

Nguyên tắc xác định giá phát hành được dựa trên cơ sở giá trị sổ sách, giá thị trường và đánh giá mức độ pha loãng cổ phiếu dự kiến sau khi phát hành.

- **Giá trị sổ sách: Tại thời điểm 31/12/2020**

Căn cứ vào Báo cáo tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2020 để xác định giá trị sổ sách của Công ty như sau:

Khoản mục	Đơn vị	Theo BCTC 31/12/2020
Vốn chủ sở hữu	Đồng	2.170.698.212.734

Khoản mục	Đơn vị	Theo BCTC 31/12/2020
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Đồng	373.966.337.317
Số lượng CP lưu hành	CP	55.122.798
Giá trị sổ sách mỗi CP	Đồng	32.595

Tại thời điểm kết thúc đợt chào bán, nếu tốc độ tăng vốn chủ sở hữu thấp hơn tốc độ tăng số lượng cổ phần sau đợt phát hành thì giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần sẽ giảm.

- Giá thị trường:

Mức giá đóng cửa giao dịch cổ phiếu VSC ngày 09/03/2021 là 59.900 đồng/CP.

Tại ngày giao dịch không hưởng quyền, giá tham chiếu của cổ phiếu sẽ được điều chỉnh theo công thức sau:

$$P_{pl} = \frac{Pt + Pr * I}{1 + I}$$

Trong đó:

- ✓ Ppl: Giá cổ phiếu pha loãng.
- ✓ Pt: Giá đóng cửa ngày giao dịch gần nhất trước ngày giao dịch không hưởng quyền (Giá định: 59.000 đồng/ cổ phiếu);
- ✓ Pr: Giá phát hành đối với quyền mua cổ phiếu phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu (10.000 đồng/ cổ phần);
- ✓ I: Tỷ lệ tăng vốn tăng thêm với việc chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu (100%);

Với giá định trên, tại thời điểm chốt danh sách để thực hiện quyền mua cổ phiếu, giá thị trường của cổ phiếu Công ty sẽ được điều chỉnh theo công thức sau:

$$P_{pl} = \frac{Pt + [Pr * 100\%]}{1 + 100\%}$$

$$= \frac{59.000 + 10.000 * 100\%}{1 + 100\%}$$

$$= 34.500 \text{ đồng/ cổ phần}$$

Cổ phiếu của Công ty được chào bán cho cho cổ đông hiện hữu, do tính chất ưu tiên của đối tượng phân phối, đồng thời căn cứ vào tình hình thị trường chứng khoán, nhu cầu sử dụng vốn, giá trị thị trường và giá trị sổ sách của cổ phiếu, cũng như trên cơ sở phân tích mức độ pha loãng giá, giá chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu được Công ty xác định bằng 10.000 đồng/ cổ phần.

7. Phương thức phân phối

- Cổ phiếu phát hành thêm được chào bán cho cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền với tỷ lệ thực hiện: 1:1 (01 cổ phần tương ứng với 01 quyền, 01 quyền được mua 01 cổ phần mới).
- Các cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách tại ngày chốt danh sách cổ đông được phân bổ quyền mua có quyền chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu của mình cho

người khác trong thời gian quy định và chỉ được chuyển nhượng 01 lần (không chuyển nhượng cho người thứ 3). Bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng tự thỏa thuận mức giá chuyển nhượng và thanh toán tiền chuyển nhượng.

- Xử lý số cổ phiếu lẻ: Không có do tỷ lệ thực hiện 1:1.
- Xử lý số cổ phiếu chưa chào bán hết:
 - ✓ Số cổ phần còn lại chưa phân phối hết cho cổ đông hiện hữu là số cổ phần còn dư do cổ đông không thực hiện quyền mua;
 - ✓ Số cổ phần này sẽ được HĐQT chào bán cho các Nhà đầu tư khác với giá chào bán trong khoảng 25.000 đồng/cổ phần đến 30.000 đồng/cổ phần để đảm bảo phát hành hết toàn bộ số cổ phần chào bán. Hội Đồng Quản Trị sẽ quyết định giá chào bán cổ phần chưa phân phối hết.
 - ✓ ĐHCĐ ủy quyền cho HĐQT lựa chọn Nhà đầu tư khác có nhu cầu mua cổ phần còn lại chưa phân phối hết với tiêu chí lựa chọn đối tượng chào bán như sau:
 - ✓ Các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài bày tỏ quan tâm, mong muốn và đủ năng lực tài chính để đầu tư cổ phiếu VSC;
 - ✓ Các nhà đầu tư có khả năng đóng góp cho sự phát triển của VSC;
 - ✓ Các nhà đầu tư không có hoạt động kinh doanh ảnh hưởng tới lợi ích của VSC.
 - ✓ Số lượng cổ phần mà cổ đông hiện hữu được mua nhưng từ chối mua được chào bán cho đối tượng khác theo quyết định của HĐQT sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 03 năm kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán.
 - ✓ Việc phân phối số cổ phiếu không chào bán hết cho các nhà đầu tư khác phải đáp ứng các điều kiện sau:
 - Tuân thủ quy định tại điều 195 Luật Doanh nghiệp 2020: “Công ty con không được đầu tư mua cổ phần, góp vốn vào công ty mẹ. Các công ty con của cùng một công ty mẹ không được đồng thời cùng góp vốn, mua cổ phần để sở hữu chéo lẫn nhau.”
 - Đảm bảo tuân thủ quy định tại Điều 42 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Thời điểm cụ thể chốt danh sách cổ đông được quyền mua cổ phiếu phát hành thêm sẽ được Công ty công bố tới tất cả các cổ đông trong vòng 07 ngày kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng của Ủy ban chứng khoán Nhà nước có hiệu lực.

8. Đăng ký mua cổ phiếu

- Thời hạn đăng ký mua cổ phiếu: Theo quy định tối thiểu là 20 ngày. VSC sẽ công bố chính thức thời hạn đăng ký mua khi VSC được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận chào bán chứng khoán ra công chúng.
- Số lượng cổ phiếu đăng ký mua: Là số lượng cổ phiếu được quyền mua theo tỷ lệ hoặc/và số lượng cổ phiếu từ việc nhận chuyển nhượng quyền mua hoặc/và số cổ phiếu lẻ còn lại do làm tròn số và số cổ phiếu không bán hết được HĐQT quyết định phân phối tiếp.

- Phương thức thanh toán: Cổ đông hiện hữu đăng ký và nộp tiền hoặc chuyển khoản tiền mua cổ phiếu phát hành thêm vào tài khoản phong tỏa của Công ty cổ phần Container Việt Nam.
- Chuyển giao cổ phiếu: Sau khi Công ty hoàn thành đợt chào bán và hoàn thành thay đổi đăng ký chứng khoán; cổ phiếu phát hành thêm sẽ được Trung tâm Lưu ký chứng khoán phân bổ vào tài khoản chứng khoán của các cổ đông đã lưu ký chứng khoán; các cổ đông chưa lưu ký chứng khoán sẽ nhận được giấy chứng nhận sở hữu cổ phiếu phát hành thêm tại Trụ sở của Công ty cổ phần Container Việt Nam, hoặc bổ sung thông tin về số cổ phiếu mới vào Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần đã cấp.
- Quyền lợi của người mua cổ phiếu:
 - Cổ phiếu phát hành cho cổ đông hiện hữu được thực hiện quyền mua là cổ phần phổ thông và không bị hạn chế chuyển nhượng;
 - Số lượng cổ phần mà cổ đông hiện hữu được mua nhưng từ chối mua nêu trên khi chào bán cho đối tượng khác theo quyết định của HĐQT sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 03 năm kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán.
 - Số lượng cổ phiếu đặt mua tối thiểu: 1 cổ phiếu.

9. Lịch trình dự kiến phân phối cổ phiếu

Việc phân phối cổ phần chào bán thêm dự kiến sẽ được tiến hành tối đa trong vòng 90 ngày kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký chào bán có hiệu lực. Thời gian phát hành dự kiến là Quý III-IV/2021.

Bảng 37: Lịch trình phân phối cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu

STT	Nội dung công việc	Thời gian
1	Nhận Giấy chứng nhận đăng ký chào bán từ UBCKNN.	D
2	Xác định ngày lập Danh sách sở hữu cuối cùng và thông báo với Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam (TTLKVN), Sở Giao dịch chứng khoán TP.Hồ Chí Minh (HSX) để triển khai chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu.	D đến D+2
3	Công bố thông tin về đợt chào bán trên 01 tờ báo điện tử hoặc báo viết trong 03 số báo liên tiếp.	D đến D+7
4	Ngày giao dịch không hưởng quyền.	D + 12
5	Ngày đăng ký cuối cùng.	D+13
6	Phối hợp cùng TTLKVN phân bổ quyền mua cổ phiếu và thông báo quyền mua cổ phiếu đến các thành viên lưu ký và các cổ đông chưa lưu ký chứng khoán.	D+19 đến D+26
7	Các cổ đông hiện hữu tiến hành đăng ký, chuyển nhượng quyền mua và nộp tiền mua cổ phần.	D+20 đến D+40
8	Tổng hợp việc thực hiện quyền mua của cổ đông hiện hữu. Lập báo cáo trình HĐQT để HĐQT quyết định phương thức xử lý số cổ phiếu không chào bán hết (nếu có).	D+41 đến D+50
9	Xử lý số cổ phần không chào bán hết (nếu có).	D+50 đến D+51
10	– Báo cáo UBCKNN kết quả đợt chào bán.	D+52 đến D+

STT	Nội dung công việc	Thời gian
	– Nộp Hồ sơ đăng ký lưu ký bổ sung và đăng ký giao dịch bổ sung	62
11	Công bố về việc giao dịch bổ sung và trao trả giấy chứng nhận sở hữu cổ phần cho các cổ đông chưa lưu ký.	D+53 đến D+64
12	Giao dịch cổ phiếu phát hành bổ sung.	D+85

10. Phương thức thực hiện quyền

Điều kiện thực hiện quyền:

Các cổ đông có tên trong danh sách người sở hữu cuối cùng tại ngày chốt danh sách phân bổ quyền mua.

Thời gian thực hiện quyền:

Theo thời gian nêu trong lịch trình dự kiến tại mục V.7.

Phương thức thực hiện quyền:

Theo nội dung nêu tại V.7

Phương thức nộp tiền mua cổ phiếu

Cổ đông nộp tiền mua cổ phiếu vào tài khoản phong tỏa theo nội dung nêu tại V.12

11. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng cổ phiếu

- Các cổ đông có quyền chuyển nhượng quyền mua cổ phần của mình nhưng chỉ được chuyển nhượng một lần và không chuyển nhượng cho người thứ ba.
- Số lượng cổ phần mà cổ đông hiện hữu được mua nhưng từ chối mua khi chào bán cho đối tượng khác theo quyết định của HĐQT sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 03 năm kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán.

12. Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu

- Số tài khoản: 6889966899999
- Tên ngân hàng nơi mở tài khoản: Ngân hàng TMCP Quân Đội – chi nhánh Hải Phòng.
- Chủ tài khoản: Công ty cổ phần Container Việt Nam.

13. Biện pháp đảm bảo tuân thủ quy định về sở hữu nước ngoài

Hiện tại tỷ lệ sở hữu nước ngoài của Công ty là 6,80% tại thời điểm 24/08/2021. Căn cứ công văn số 4237/UBCK-PTTT ngày 02/08/2021, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của Công ty được xác định là 49% và Công ty đã thực hiện thông báo đến Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh, Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam để các cơ quan Nhà nước điều chỉnh room sở hữu nước ngoài đối với cổ phiếu của Công ty theo đúng quy định.

Đối với đợt phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, khi xử lý cổ phiếu chưa chào bán hết, HĐQT Công ty cam kết chỉ chào bán cho các nhà đầu tư trong nước và nhà đầu tư nước ngoài nhưng vẫn đảm bảo không vượt quá tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa nêu trên.

14. Các loại thuế có liên quan

Đối với nhà đầu tư cá nhân

- Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán:

Thuế suất đối với thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán là 0,1% trên giá bán chứng khoán từng lần được quy định tại điểm 2 Điều 16 Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành luật sửa đổi bổ sung một số điều của các Luật về Thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về Thuế.

- Thu nhập từ cổ tức:

Cũng theo Thông tư số 111/2013/TT-BTC, thu nhập của cá nhân từ cổ tức cũng được xem là thu nhập chịu thuế với mức thuế suất toàn phần là 5%. Trường hợp nhà đầu tư nhận cổ tức bằng tiền mặt, thuế thu nhập cá nhân được tính bằng cổ tức mỗi lần trả nhân với thuế suất 5%. Trường hợp nhận cổ tức bằng cổ phiếu hoặc cổ phiếu thưởng, nhà đầu tư chưa phải nộp thuế khi nhận cổ phiếu, nhưng khi tiến hành chuyển nhượng số cổ phiếu này thì nhà đầu tư mới phải thực hiện nghĩa vụ thuế và áp dụng mức thuế suất tương tự như trường hợp chuyển nhượng chứng khoán.

Đối với nhà đầu tư tổ chức

- Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán:

Thu nhập từ chuyển nhượng vốn, chuyển nhượng chứng khoán là thu nhập khác áp dụng thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp là 20%.

15. Thông tin về các cam kết

Công ty cam kết thực hiện niêm yết hoặc đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch chứng khoán, đảm bảo tuân thủ quy định việc Tổ chức phát hành phải hoàn thiện hồ sơ đăng ký niêm yết hoặc đăng ký giao dịch cổ phiếu trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng.

16. Thông tin về các chứng khoán khác được chào bán, phát hành trong cùng đợt

Không có

VIII. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN

1. Mục đích chào bán

Nhằm đáp ứng nhu cầu vốn cho hoạt động kinh doanh, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty cổ phần Container Việt Nam đã thông qua phương án chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán. Theo đó, toàn bộ số tiền thu được từ việc phát hành thêm cổ phiếu sẽ được sử dụng để bổ sung vốn lưu động cho Công ty trong năm 2021.

2. Phương án khả thi

Việc Công ty cổ phần Container Việt Nam tăng vốn điều lệ với mục đích bổ sung vốn lưu động là cần thiết và có ý nghĩa quan trọng nhằm nâng cao năng lực tài chính, năng lực hoạt động và khả năng cạnh tranh của VSC.

Số tiền thu được từ việc phát hành cổ phiếu dự kiến là 551.227.980.000 đồng sẽ được sử dụng để bổ sung vốn lưu động cho Công ty, cụ thể như sau:

▪ **Thanh toán các khoản chi phí phục vụ sản xuất, kinh doanh:**

➤ **Thanh toán tiền mua xăng dầu trong năm 2021, 2022: 180.227.980.000 đồng.**

Theo số liệu tài chính của Công ty, tổng lượng xăng dầu tiêu thụ từ các đối tác nêu trên trong năm 2020 là 63 tỷ đồng tương ứng 3,7% doanh thu của Công ty, 07 tháng đầu năm 2021 là 61 tỷ đồng tương ứng 5,7% doanh thu của Công ty.

Năm 2021, doanh thu thuần kế hoạch của Công ty là 1.700 tỷ đồng (tăng 0,65% so với doanh thu thuần năm 2020). Tỷ trọng chi phí xăng dầu tiêu thụ của Công ty trên doanh thu thuần qua các năm tương đối ổn định, giá xăng dầu trong các năm 2021-2022 được dự báo có xu hướng tăng. Vì vậy, chi phí xăng dầu tiêu thụ của Công ty có xu hướng tăng lên trong năm 2021-2022. Dự kiến tổng chi phí xăng dầu tiêu thụ của Công ty năm 2021 là 90.000.000.000 đồng và trong năm 2022 khoảng 90.227.980.000 đồng. Vì vậy, số tiền dự kiến thu được từ đợt chào bán để thanh toán tiền xăng dầu trong năm 2021 và 2022 là 180.227.980.000 đồng. Công ty sẽ tiếp tục mua xăng dầu từ các đối tác nêu trên.

Đối với việc phân bổ lượng xăng dầu mua từ từng đối tác, Công ty sẽ căn cứ vào năng lực cung cấp, thời điểm sẵn sàng đáp ứng của đối tác và nhu cầu sử dụng của Công ty. Trên cơ sở đó, giá trị mua của từng đối tác dự kiến như sau:

TT	Nội dung	Giá trị (đồng)	Thời gian dự kiến giải ngân
1	Công ty cổ phần xăng dầu dầu khí PVOIL Hải Phòng;	60.218.000.000	Trong năm 2021 và năm 2022
2	Công ty CP thương mại xăng dầu Anh Thủy;	20.000.000.000	Trong năm 2021 và năm 2022
3	Công ty TNHH Thương mại và kho vận Năm Sao;	15.645.000.000	Trong năm 2021 và năm 2022
4	Công ty cổ phần Dòng Sông Vàng Đất Cảng;	10.143.000.000	Trong năm 2021 và năm 2022
5	Công ty CP thương mại và dịch vụ Vosco;	10.512.000.000	Trong năm 2021 và năm 2022
6	Công ty TNHH Vận Tải Biển và Thương Mại Vượng Đạt;	63.709.980.000	Trong năm 2021 và năm 2022
	Tổng cộng	180.227.980.000	

Từ trước đến nay, về cách thức thực hiện, Công ty sẽ ký kết hợp đồng nguyên tắc theo từng năm với các đối tác. Trên cơ sở hợp đồng nguyên tắc, mỗi lần mua xăng dầu, Công ty sẽ không ký các hợp đồng riêng mà thực hiện đặt hàng từng lần, sau khi bàn giao xăng dầu sẽ tiến hành nghiệm thu và xuất hóa đơn cho từng đợt thanh toán.

➤ **Thanh toán tiền lương cán bộ công nhân viên: 31 tỷ đồng trong năm 2021, và 2022;**

▪ **Mua chứng khoán với mục tiêu nắm giữ ngắn hạn.**

Công ty cổ phần Container Việt Nam dự kiến sử dụng một phần số tiền thu được là 340.000.000.000 đồng từ đợt phát hành tăng vốn điều lệ để thanh toán tiền nhận chuyển nhượng 8.928.000 cổ phần Công ty cổ phần Cảng Vinalines - Đình Vũ tương ứng với 36% vốn điều lệ của Công ty cổ phần Cảng Vinalines - Đình Vũ từ cổ đông hiện hữu là Công ty cổ phần Thành Đức Hải Phòng và ông Phạm Văn Đức. Chi tiết như sau:

➤ **Thông tin về Công ty CP Cảng Vinalines – Đình Vũ:**

- Tên Công ty: Công ty cổ phần Cảng Vinalines - Đình Vũ;
- Giấy CNĐKDN số 0201190939 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp ngày 03/08/2011, thay đổi lần thứ 04 ngày 26/12/2019;
- Địa chỉ: Số 282 Đà Nẵng, Phường Vạn Mỹ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng;
- Lĩnh vực hoạt động: Dịch vụ Cảng biển.

➤ **Chi tiết về số lượng cổ phần nhận chuyển nhượng:**

- Số lượng cổ phần mà cổ đông Công ty cổ phần Thành Đức Hải Phòng sở hữu tại Công ty Cổ phần Cảng Vinalines - Đình Vũ là 6.897.004 cổ phần tương ứng với 27,81% vốn điều lệ của Công ty cổ phần Cảng Vinalines - Đình Vũ. Số lượng cổ phần này hiện tại là cổ phiếu tự do chuyển nhượng.
- Số lượng cổ phần mà cổ đông ông Phạm Văn Đức sở hữu tại Công ty Cổ phần Cảng Vinalines - Đình Vũ là 4.960.000 cổ phần tương ứng với 20 % vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Cảng Vinalines - Đình Vũ. Số lượng cổ phần này hiện tại là cổ phiếu tự do chuyển nhượng.

Hiện tại, Công ty cổ phần Container Việt Nam không sở hữu cổ phần tại Công ty cổ phần Cảng Vinalines - Đình Vũ. Công ty cổ phần Thành Đức Hải Phòng và Công ty cổ phần Cảng Vinalines - Đình Vũ đều không thuộc đối tượng là người có liên quan đến Công ty CP Container Việt Nam theo quy định tại khoản 23, Điều 4, Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 do Quốc Hội ban hành ngày 17/06/2020. Đồng thời, giá trị của Hợp đồng nêu trên thuộc thẩm quyền của Hội Đồng Quản Trị thông qua. Công ty CP Container Việt Nam cam kết Hợp đồng nêu trên đã được thông qua và ký kết theo đúng thẩm quyền và quy định của Pháp luật và Điều lệ của Công ty.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Container Việt Nam quyết định mua cổ phần Công ty cổ phần Cảng Vinalines - Đình Vũ với mục đích kinh doanh, thời gian nắm giữ dưới 12 tháng. Giá cổ phần nhận chuyển nhượng được quyết định trên cơ sở giá trị một cổ phần hợp lý được thẩm định giá bởi Công ty cổ phần Thẩm Định Giá Thế

Kỷ - chi nhánh tại Hà Nội theo chứng thư thẩm định giá số C2106-0397/CEN
VALUE – CTTĐG ngày 20/07/2021.

IX. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN

Số tiền thu được từ việc phát hành cổ phiếu dự kiến là 551.227.980.000 đồng sẽ được sử dụng cho các mục đích như sau:

TT	Nội dung	Giá trị (đồng)	Thời gian dự kiến giải ngân
	Bổ sung vốn lưu động cho Công ty, gồm:	551.227.980.000	
1	Thanh toán các khoản chi phí phục vụ sản xuất, kinh doanh	211.227.980.000	Trong năm 2021 và năm 2022
1.1	Thanh toán tiền mua xăng dầu cho các đối tác sau:	180.227.980.000	Trong năm 2021 và năm 2022
	<i>Công ty cổ phần xăng dầu khí PVOIL Hải Phòng;</i>	<i>60.218.000.000</i>	<i>Trong năm 2021 và năm 2022</i>
	<i>Công ty CP thương mại xăng dầu Anh Thủy;</i>	<i>20.000.000.000</i>	<i>Trong năm 2021 và năm 2022</i>
	<i>Công ty TNHH Thương mại và kho vận Năm Sao;</i>	<i>15.645.000.000</i>	<i>Trong năm 2021 và năm 2022</i>
	<i>Công ty cổ phần Dòng Sông Vàng Đất Cảng;</i>	<i>10.143.000.000</i>	<i>Trong năm 2021 và năm 2022</i>
	<i>Công ty CP thương mại và dịch vụ Vosco;</i>	<i>10.512.000.000</i>	<i>Trong năm 2021 và năm 2022</i>
	<i>Công ty TNHH Vận Tải Biển và Thương Mại Vượng Đạt;</i>	<i>63.709.980.000</i>	<i>Trong năm 2021 và năm 2022</i>
1.2	Thanh toán tiền lương cán bộ công nhân viên	31.000.000.000	Trong năm 2021 và năm 2022
2	Mua chứng khoán để nắm giữ ngắn hạn Cụ thể là nhận chuyển nhượng 8.928.000 cổ phần Công ty Cổ phần Cảng Vinalines Đình Vũ (tương đương 36% vốn điều lệ của Công ty CP Cảng Vinalines Đình Vũ) từ cổ đông hiện hữu của Công ty Công ty Cổ phần Cảng Vinalines Đình Vũ. (Việc mua chứng khoán này được nắm giữ vì mục đích kinh doanh, thời gian nắm giữ dự kiến dưới 12 tháng)	340.000.000.000	Trong năm 2021 và năm 2022
	Tổng cộng	551.227.980.000	

X. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN

Tổ chức tư vấn

Công ty Cổ phần Chứng khoán MB

Địa chỉ: Tầng 7-8, tòa nhà MB, số 21 Cát Linh, phường Cát Linh, Q.Đống Đa, TP.Hà Nội

Điện thoại: +84 24 7304 5688

Website : www.mbs.com.vn

Tổ chức kiểm toán

Báo cáo tài chính năm 2019 và 2020 được kiểm toán bởi:

Công ty TNHH KPMG Việt Nam

Địa chỉ: Tầng 46, tòa nhà Keangnam, Landmark Tower, 72 tầng, E6, Phạm Hùng, Cầu Giấy, Mễ Trì, Từ Liêm, Hà Nội.

Điện thoại: (84-4) 3946 1600 Fax : (84-4) 3946 1601

Website : www.kpmg.com.vn

Báo cáo tài chính 06 tháng đầu năm 2021 được soát xét bởi:

Chi nhánh Công ty TNHH PwC (Việt Nam) tại Hà Nội

Địa chỉ: Tầng 16, Keangnam Hanoi Landmark Tower, Lô E6, Khu đô thị Cầu Giấy, Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, TP.Hà Nội

Điện thoại: +84 24 3946 2246

Website : <https://www.pwc.com/>

Ý kiến của Tổ Chức Tư Vấn về đợt chào bán ra công chúng

Trên cơ sở các thông tin mà Tổ chức tư vấn đã thu thập được về Công ty cổ phần Container Việt Nam và đợt phát hành cổ phiếu ra công chúng, với tư cách là tổ chức tư vấn hồ sơ đăng ký chào bán, Công ty cổ phần Chứng Khoán MB có một số nhận định như sau:

Số lượng cổ phần chào bán lần này là 55.122.798 cổ phần, tương ứng với tỷ lệ thực hiện quyền của cổ đông hiện hữu là 1:1. Toàn bộ số tiền thu được từ đợt chào bán được sử dụng để bổ sung vốn lưu động cho hoạt động kinh doanh của Công ty.

Bên cạnh những rủi ro đã được đề cập trong Bản cáo bạch này, MBS đánh giá việc tăng vốn từ đợt phát hành này là cần thiết và phù hợp với nhu cầu sử dụng vốn của Công ty.

Trong bối cảnh dịch Covid-19, thị trường chứng khoán trong năm 2020 - 2021 được đánh giá là một trong những thị trường phục hồi và tăng trưởng tốt nhất trong khu vực. Giá trị thanh khoản cao và sự tăng trưởng của các chỉ số Vnindex nói chung và danh mục đầu tư của nhà đầu tư nói riêng là tiền đề thuận lợi cho việc phát hành đợt này của Công ty. Mặt khác, cổ phiếu Công ty cổ phần Container Việt Nam được đánh giá là một cổ phiếu giá trị với EPS năm 2019, 2020 lần lượt là 3.827 đồng/cổ phần và 3.913 đồng/cổ phần. Giá trị thị trường của VSC (giá đóng cửa) trong vòng 20 phiên liên tục từ ngày 17/09/2021 đến ngày 19/08/2021 là 66.550 đồng/cổ phần. Với giá chào bán của đợt phát hành lần này là 10.000 đồng/cổ phần, MBS cho rằng đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng của VSC có khả năng thành công cao.

XI. CÁC THÔNG TIN QUAN TRỌNG KHÁC CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

Không có

[Phần còn lại của trang được cố ý để trống]

XII. NGÀY THÁNG, CHỮ KÝ, ĐÓNG DẤU CỦA ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH, TỔ CHỨC TƯ VẤN

Hải Phòng, ngày 30 tháng 09 năm 2021

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN MB**

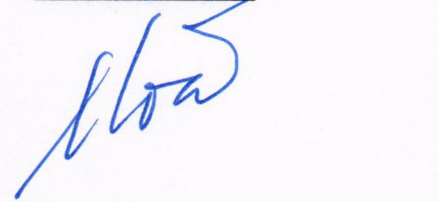
Phó Giám đốc Khối Dịch vụ NHĐT



Nguyễn Thị Thanh Vân

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CONTAINER VIỆT NAM**

Chủ tịch HĐQT



Nguyễn Việt Hòa



Tổng Giám đốc

Bùi Minh Hưng

Giám đốc tài chính



Dương Tiến Dũng

Kế toán trưởng



Lê Thế Trung

XIII. PHỤ LỤC

1. Phụ lục 1: Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của VSC;
2. Phụ lục 2: Điều lệ Công ty Cổ phần Container Việt Nam phù hợp với Điều lệ mẫu công ty chào bán;
3. Phụ lục 3 : Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/03/2021 ;
4. Phụ lục 4 : Nghị quyết HĐQT số 08/VSC ngày 16/06/2021;
Nghị quyết HĐQT số 96 Ngày 02/08/2021;
Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 109 ngày 01/09/2021 về việc thông qua hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng, phương án bảo đảm tỷ lệ sở hữu nước ngoài, cam kết niêm yết cổ phiếu sau phát hành và thứ tự ưu tiên kế hoạch sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán.
5. Phụ lục 5: Báo cáo tài chính đã kiểm toán của các năm 2019, 2020 và Báo cáo tài chính 06 tháng đầu năm đã soát xét.